



ÁNH GIÁ
QUẢN LÝ VÀ CHĂM SÓC XIN HIỂM QU
TRƯỜNG NĂM 2012
BÁO CÁO TÓM TẮT

Hà Nội, tháng 7 năm 2012

M C L C

L i c m n.....	5
Ch vi t t t.....	6
1. GI I THI U.....	7
1.1 Gi i thi u v b công c ánh giá qu n lý v c xin hi u qu EVM.....	7
1.2 L a ch n a i m.....	8
1.3 Các ph ng pháp ánh giá c s d ng.....	9
1.4 Công c ánh giá.....	9
1.5 Các t nh và khu v c ánh giá.....	10
2. T NG QUAN.....	11
2.1 T ch c tiêm ch ng.....	11
2.2 L ch tiêm ch ng.....	11
2.3 K ho ch trì n khai các v c xin m i.....	12
2.4 Thông tin v các nhà s n xu t và v c xin trong ch ng trình TCMR.....	12
3. KHÁI QUÁT V DÂY CHUY N CUNG C P B O QU N V C XIN.....	13
3.1 C c u t ch c.....	13
3.2 C s v t ch t.....	13
3.2.1 Kho Qu c gia.....	13
3.2.2 Các kho khu v c.....	14
3.2.3 Các kho tuy n t nh.....	14
3.2.4 Các kho tuy n huy n.....	15
3.2.5 Các tr m y t xã.....	15
3.3 Ph ng tí n v n chuy n v c xin.....	15
3.4 H th ng ghi chép và báo cáo.....	16
4. CÁC PHÁT HI N CHÍNH.....	17
4.1 Kho qu c gia.....	17
4.2 Các kho khu v c.....	17
4.3 Các kho tuy n t nh.....	18
4.4 Các kho tuy n huy n.....	19
4.5 Các tr m y t xã.....	20
5. PHÂN TÍCH CHI TI T VÀ K T LU N.....	22
5.1 Tiêu chu n E1 nh n v c xin:.....	22
5.1.1 K t lu n v th t c nh n v c xin.....	22
5.2 Tiêu chu n E2 theo dõi nhi t.....	22
5.2.1 Các kho tuy n qu c gia, khu v c:.....	22

5.2.2	Các kho tuyền tnh, huy n, xã.....	22
5.3	Tiêu chu n E3 kh n ng b o qu n.....	23
5.3.1	Các kho tuyền qu c gia/khu v c.....	23
5.3.2	Các kho tuyền tnh.....	23
5.3.3	Các kho tuyền huy n.....	24
5.3.4	Các tr m y t xã.....	24
5.4	Tiêu chu n E4 nhà kho, thi t b , v n chuy n.....	24
5.4.1	Các kho tuyền qu c gia/khu v c.....	25
5.4.2	Các kho tuyền tnh.....	25
5.4.3	Các kho tuyền huy n.....	25
5.4.4	Các tr m y t xã.....	25
5.4.5	K t lu n v nhà kho, thi t b và v n chuy n.....	26
5.5	Tiêu chu n E5 b o d ng.....	26
5.5.1	B o d ng h th ng dây chuy n l nh.....	26
5.5.2	B o d ng ph ng ti n.....	26
5.5.3	B o d ng nhà kho.....	26
5.5.4	K t lu n v b o d ng.....	26
5.6	Tiêu chu n E6 qu n lý kho.....	26
5.6.1	Qu n lý s sách.....	26
5.6.2	Qu n lý giao nh n v c xin.....	27
5.6.3	Kiêm kê v c xin.....	27
5.6.4	K t lu n v qu n lý kho v c xin.....	27
5.7	Tiêu chu n E7 phân ph i.....	27
5.7.1	Các kho tuyền qu c gia/khu v c.....	27
5.7.2	Các kho tuyền tnh.....	28
5.7.3	Các kho tuyền huy n.....	28
5.7.4	Các tr m y t xã.....	28
5.7.5	K t lu n v phân ph i v c xin.....	28
5.8	Tiêu chu n E8 qu n lý v c xin.....	28
5.8.1	Các kho tuyền qu c gia/khu v c.....	28
5.8.2	Các kho tuyền tnh.....	28
5.8.3	Các kho tuyền huy n.....	28
5.8.4	Các tr m y t xã.....	29
5.8.5	K t lu n v qu n lý v c xin.....	29
5.9	Thông tin và h tr.....	29

5.9.1	Các kho tuyến qu c gia/khu v c.....	29
5.9.2	Các kho tuyến t nh.....	29
5.9.3	Các kho tuyến huy n.....	29
5.9.4	K t lu n v thông tin và h tr	29
6.	KHUY N NGH	30
6.1	Khuy n ngh chung.....	30
6.2	Kho qu c gia.....	32
6.3	Các kho khu v c.....	33
6.4	Các kho tuyến t nh.....	35
6.5	Các kho tuyến huy n	35
6.6	Các tr m y t xã.....	36
7.	K HO CHC I THI NH TH NG	38
7.1	Nh ng khuy n ngh chung	38
7.2	Kho qu c gia/khu v c.....	38
7.3	Kho t nh.....	39
7.4	Kho huy n	40
7.5	Tr m y t xã.....	41
	DANH SÁCH I U TRA VIÊN VÀ A I M ÁNH GIÁ	42

L i c m n

D án Tiêm ch ng m r ng, Vi n V sinh D ch t Trung ng xin trân tr ng c m n Ch ng trình Áp d ng công ngh thích h p trong y t (PATH)/D án Optimize v s h p tác c ng nh h tr quý báu c v tài chính và k thu t cho vi c th c hi n ánh giá. L i c m n sâu s c c ng xin c g i t i

- ❖ V n phòng i di n T ch c Y t th gi i t i Vi t Nam (WHO).
- ❖ V n phòng i di n Qu nhi ng liên h p qu c t i Vi t Nam (UNICEF).
- ❖ Vi n V sinh D ch t Trung ng, Vi n Pasteur Tp H Chí Minh, Vi n Pasteur Nha Trang, Vi n V sinh D ch t Tây Nguyên.
- ❖ TCMR các khu v c: Mi n B c, Mi n Trung, Tây Nguyên và Mi n Nam vì nh ng s h p tác và tham gia tích c c trong quá trình ánh giá.

c bi t D án TCMR xin g i l i c m n chân thành nh t t i các cán b lãnh o và cán b y t c a các Trung tâm y t d phòng t nh, Trung tâm y t huy n và Tr m y t xã t i các t nh Phú Th , L ng S n, S n La, H ng Yên, H i Phòng, Ninh Bình, Qu ng Tr , Qu ng Nam, c Nông, C n Th , B n Tre và Bà R a V ng Tàu ã tham gia và h p tác th c hi n thành công ánh giá này.

Báo cáo tóm t t này c hoàn thi n b i Nhóm ánh giá EVM c a V n phòng TCMR Qu c gia. Các k t lu n và xu t ã c th o lu n, th ng nh t và t ng h p nh m m b o tính i dĩ n và chính xác.

Báo cáo tóm t t này là ph n thu g n c a b n báo cáo ánh giá y chi ti t c ng c hoàn thi n b i Nhóm ánh giá EVM. B n báo cáo y s c cung c p n u có yêu c u.

Ch vi t t t

BCG	bacille Calmette-Guérin (tuberculosis vaccine)
BKT	B m kim tiêm
BTL	Bình tích l nh
DPT	Diphtheria- Pertussis- Tetanus
EVM	Effective vaccine management
GAVI	Global Alliance for Vaccines and Immunisation
HAT	H p an toàn
HCM	H Chí Minh
Hib	Haemophilus influenzae b
OPV	Oral Polio Vaccine
PATH	Program for Appropriate Technology in Health
SOP	Standard Operating Procedure
SX	S n xu t
TC	Tiêm ch ng
TCMR	Tiêm ch ng m r ng
TNHH MTV	Trách nhi m h u h n m t thành viên
TTYT	Trung tâm y t
UNICEF	United Nations Childrens' Fund
VGB	Viêm gan B
VSDT	V sinh D ch t
VVM	Vaccine vial monitor
VX	V c xin
YTDP	Y t d phòng
WHO	World Health Organization

1. GIỚI THIỆU

1.1 Giới thiệu về công cụ đánh giá quản lý vaccine xin hiu qu EVM

Theo kế hoạch đã ấn “Thí nghiệm thực nghiệm pháp nhân nâng cao chất lượng tiêm chủng tại 3 tỉnh Phú Thọ, Quảng Trị, Bà Rịa-Vũng Tàu giai đoạn 2010-2012”, đánh giá hiệu quả của công cụ quản lý vaccine xin hiu qu và vai trò của tiêm chủng cho Tiêm chủng mở rộng (TCMR) trên toàn quốc, đánh giá Quản lý vaccine xin hiu qu - Effective Vaccine Management (EVM) của Dự án TCMR phối hợp với các PATH/Dự án Optimize thực hiện 2 lần. Lần đầu tiên thực hiện vào năm 2009 khi bắt đầu dự án. Báo cáo này là kết quả của lần đánh giá thứ 2 thực hiện trong tháng 3 và tháng 4 năm 2012.

Bộ công cụ đánh giá EVM được phát triển dựa trên sự kết hợp các mô hình của hai cách đánh giá trước đó là bộ công cụ đánh giá quản lý vaccine xin (VMA) bắt đầu sử dụng từ năm 2001 và bộ công cụ Quản lý kho vaccine xin hiu qu (EVSM) năm 2003. Bộ công cụ đánh giá EVM kết hợp cách đánh giá một cách có hệ thống quy trình quản lý vaccine xin nhằm nâng cao thực hành quản lý vaccine xin của hai bộ công cụ trước đó. Bộ công cụ EVM hiện đang sử dụng rộng rãi trên toàn quốc, thí dụ như sau.

Đánh giá EVM là quá trình quan trọng vì có áp dụng **thực hành bộ quản và phân phối**. Bộ công cụ EVM được thiết kế sử dụng không chỉ là **công cụ đánh giá**, phân tích theo hình thức nghiệp vụ mô hình và kỹ thuật của dây chuyền cung ứng mà còn là công cụ **giám sát hoạt động** theo dõi và hỗ trợ các sự riêng biệt.

Công cụ EVM được áp dụng đánh giá **chất lượng và** yếu tố của dây chuyền cung ứng hiu qu: Nhà kho; Khả năng bộ quản và vận chuyển; Thời gian vận chuyển; Phân phối vận chuyển; Sản phẩm và bảo quản; Hệ thống báo cáo và Quản lý chi phí vận chuyển; Kiểm soát chi phí vận hành và kiểm soát chi phí hiu qu.

Đánh giá EVM sử dụng bộ câu hỏi được thiết kế cho phép đánh giá tại 04 tuyến riêng biệt trong dây chuyền cung ứng, cụ thể như sau:

1. **Kho đầu mối**, là nơi nhận vaccine xin trực tiếp nhà sản xuất vaccine xin hoặc nhà cung cấp quốc tế. Nét đặc thù của tuyến này là vaccine xin của bộ quản trong các buổi lễ nhậm chức và buổi lễ nhậm chức. Theo cách phân loại này, Việt Nam có 5 kho đầu mối, bao gồm: kho quốc gia và 4 kho khu vực.

2. **Kho trung gian**, là nơi nhận vaccine xin từ kho đầu mối, bộ quản trong một kho ngành thị trường như là phân phối cho các kho tuyến tiếp theo. Những kho này có thể có buổi lễ nhậm chức và/hoặc nhi vụ vận chuyển và tiếp nhận vaccine xin. Theo phân loại này thì Việt Nam là kho tuyến tiếp theo.

3. **Kho cấp phát thực phẩm**, là nơi nhận vaccine xin từ kho đầu mối hoặc kho trung gian. Đây là vaccine xin được phân phối trực tiếp đến các mô hình tiêm chủng. Những kho này có thể có một hoặc một vài buổi lễ nhậm chức vaccine xin. Việt Nam là kho tuyến tiếp theo.

4. **Chỉ số điểm chung**, là chỉ số xếp hạng các đơn vị trong thời gian ngắn trước khi em ra sổ đăng cho điểm thi công. Thứ hạng có thể là xếp hạng điểm chung, hoặc có thể là xếp hạng điểm chung theo nhóm công trình. Vì thế Nam đây là từ mỹ thuật, nên chỉ số điểm chung.

B công trình EVM dựa trên 9 Tiêu chuẩn, mỗi tiêu chuẩn lại được chia ra thành những yêu cầu và những yêu cầu chi tiết. Những tiêu chuẩn này cùng phân tích chi tiết công trình để đảm bảo chất lượng công trình. Vì tuân thủ theo những yêu cầu để đánh giá dựa trên một loạt các câu hỏi theo chiều hướng và tính toán. B công trình có thể sử dụng đồng ý khi toàn bộ các câu hỏi của công trình sử dụng đánh giá hoặc có thể sử dụng đồng ý **tóm tắt** khi chỉ một số nhóm câu hỏi chính sử dụng đánh giá.

Theo những thí nghiệm, b công trình tóm tắt các kết quả đánh giá theo hai cách:

- Chỉ số điểm chung dựa theo các Tiêu chuẩn có liên quan tùy theo đánh giá¹.
- Chỉ số điểm chung được phân loại theo 07 hạng mục, liên quan đến: Nhà kho; Khu vực bố trí; Thi công xây dựng công trình; Phân tích và vận chuyển; Sản phẩm hoặc dịch vụ, hoạt động phụ trợ và Quản lý.

1.2 Lựa chọn địa điểm

Các địa điểm được chọn phù hợp với phương pháp trong hướng dẫn chọn địa điểm EVM². Phương pháp đã dùng có các mục để đi đến xác định các yếu tố cần phân tích (tùy chọn), sau đó tính các mục cần thiết về tính bền vững môi trường. Vì thế có 696 huyện trên cả nước, kết quả khảo sát là 85% về chính xác +/- 15% các mục cần có là 24 huyện. Vì đánh giá dự kiến sẽ tiến hành trong vòng 3 tháng nên dự kiến 100% các huyện sẽ lựa chọn tham gia đánh giá. Quá trình chọn địa điểm đã xem xét những ưu nhược điểm của các địa điểm sau: địa lý (vùng núi và vùng đồng bằng hoặc vùng biển); các yếu tố như TCMR³, nông thôn và thành thị, điểm công trình ngoài từ việc thiết kế; tính khả thi của việc tiến hành dự án.

Bảng 1: 12 tỉnh được chọn từ các khu vực, theo sự phân bố và lựa chọn các tỉnh miền vùng như sau:

- 06 tỉnh khu vực phía Bắc (được chọn ngẫu nhiên sau khi xếp các tỉnh thành hai nhóm đồng bằng Bắc Bộ và miền núi phía Bắc): 03 tỉnh đồng bằng Bắc Bộ (Hà Nội, Hải Phòng, Ninh Bình) 03 tỉnh miền núi phía Bắc (Sơn La, Lạng Sơn và Phú Thọ).

¹ Ví dụ: Chỉ số Tiêu chuẩn đánh giá ưu tiên về môi trường, Tiêu chuẩn này chỉ liên quan đến các khu vực miền núi (khu vực gia và khu vực). Các Tiêu chuẩn khác có thể chỉ liên quan đến một số địa điểm nhất định. Chỉ số mỹ thuật xã hội có 7 Tiêu chuẩn được áp dụng vào đánh giá.

² Đánh giá quy hoạch và môi trường: Hướng dẫn chọn địa điểm.

³ Hướng dẫn TCMR bao gồm 04 khu vực và 63 tỉnh. Khu vực phía Bắc có 28 tỉnh, khu vực phía Nam có 20 tỉnh, khu vực miền Trung có 11 tỉnh, và Tây Nguyên có 04 tỉnh.

- 03 tỉnh khu vực phía Nam (chọn ngẫu nhiên sau khi xếp các tỉnh thành hai nhóm Miền Đông Nam Bộ và Miền Tây Nam Bộ (Bến Tre và Cần Thơ) và 01 tỉnh Miền Đông Nam Bộ (Bà Rịa Vũng Tàu)

- 02 tỉnh khu vực miền Trung (chọn ngẫu nhiên sau khi xếp các tỉnh thành Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung): 01 tỉnh Bắc Trung Bộ (Quảng Trị) và 01 tỉnh Duyên hải miền Trung (Quảng Nam)

- 01 tỉnh khu vực Tây Nguyên (chọn ngẫu nhiên từ bốn tỉnh trong khu vực Tây Nguyên): Cần Thơ

Bảng 2: Chọn ngẫu nhiên 01 huyện nông thôn và 01 huyện thành thị từ mỗi tỉnh/thành phố để lựa chọn (thông minh nhất có thể) huyện thành thị và huyện nông thôn). Tổng số 24 huyện.

Bảng 3: Chọn ngẫu nhiên 02 xã từ mỗi quận/huyện để chọn: học mô tả xã có trường và mô tả xã không có trường, học mô tả xã có điểm tiêm chủng và mô tả xã có điểm tiêm chủng ngoài trường. Tổng số 48 xã.

Tổng cộng 89 các xã được đánh giá: Trong đó theo xếp loại có 05 kho (mỗi kho tùy chọn quốc gia và 4 khu vực); 12 kho trung gian (kho tùy chọn); 24 kho tùy chọn phát triển (kho tùy chọn huyện) và 48 điểm cung cấp dịch vụ (trạm y tế xã).

Muốn đánh giá các chọn bao phủ 100% của 05 kho (mỗi kho), 19% của 63 kho tùy chọn, 3,5% của 696 kho tùy chọn huyện, và 0,4% của 11.132 trạm y tế xã.

1.3 Các phương pháp đánh giá các xã

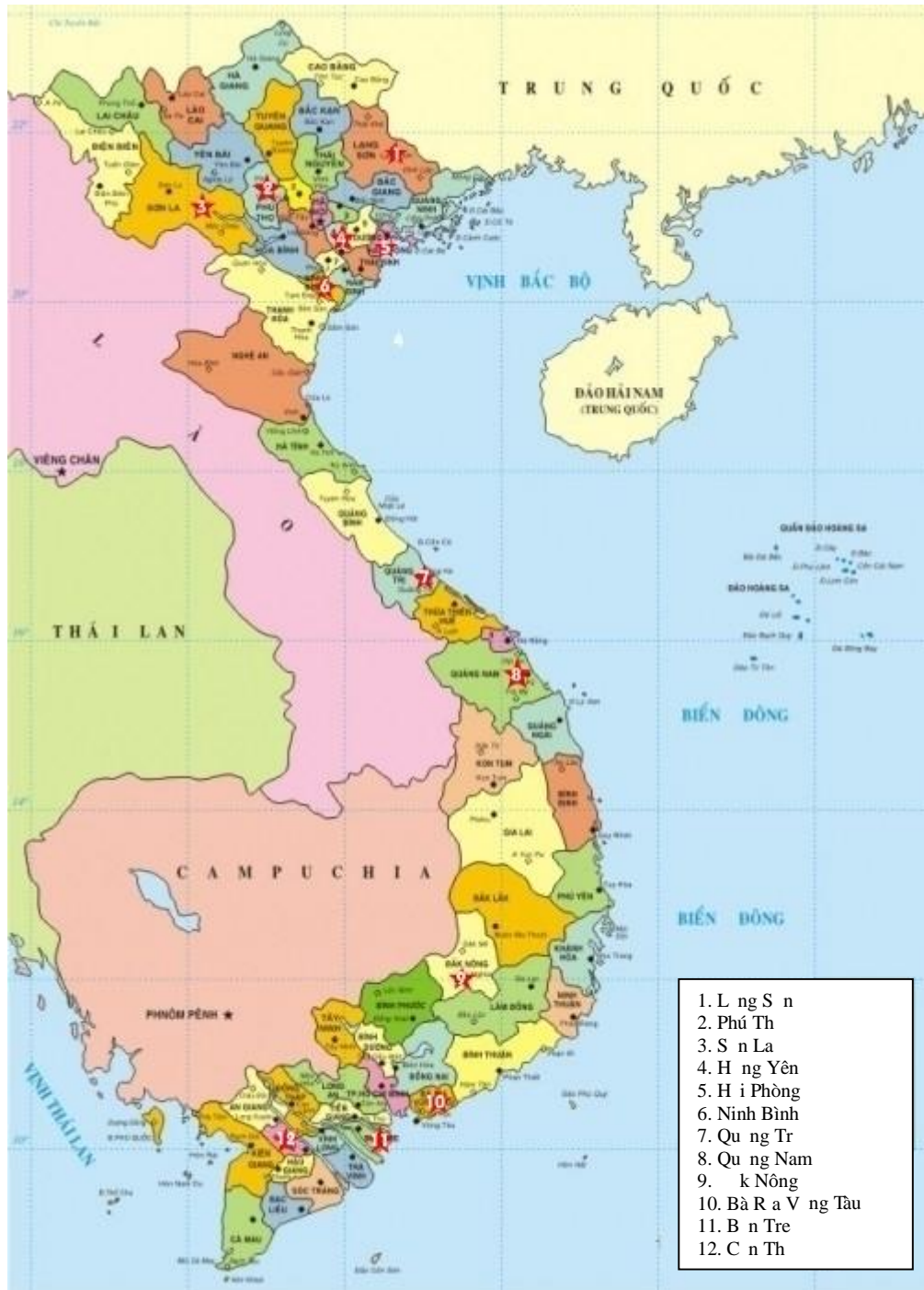
Sử dụng bảng câu hỏi để đánh giá cho tất cả các tùy chọn.

1.4 Công cụ đánh giá

Sử dụng các thủ tục và phân tích bảng công cụ EVM.

Bảng câu hỏi đánh giá và các tài liệu liên quan được dịch sang tiếng Việt. Các nhóm đánh giá sử dụng các bảng câu hỏi để điền vào và thu thập dữ liệu từ thực địa. Các dữ liệu sau khi thu thập được nhập vào phần mềm *EVM Assessment Tool*.

1.5 Các tỉnh và khu vực ảnh giá



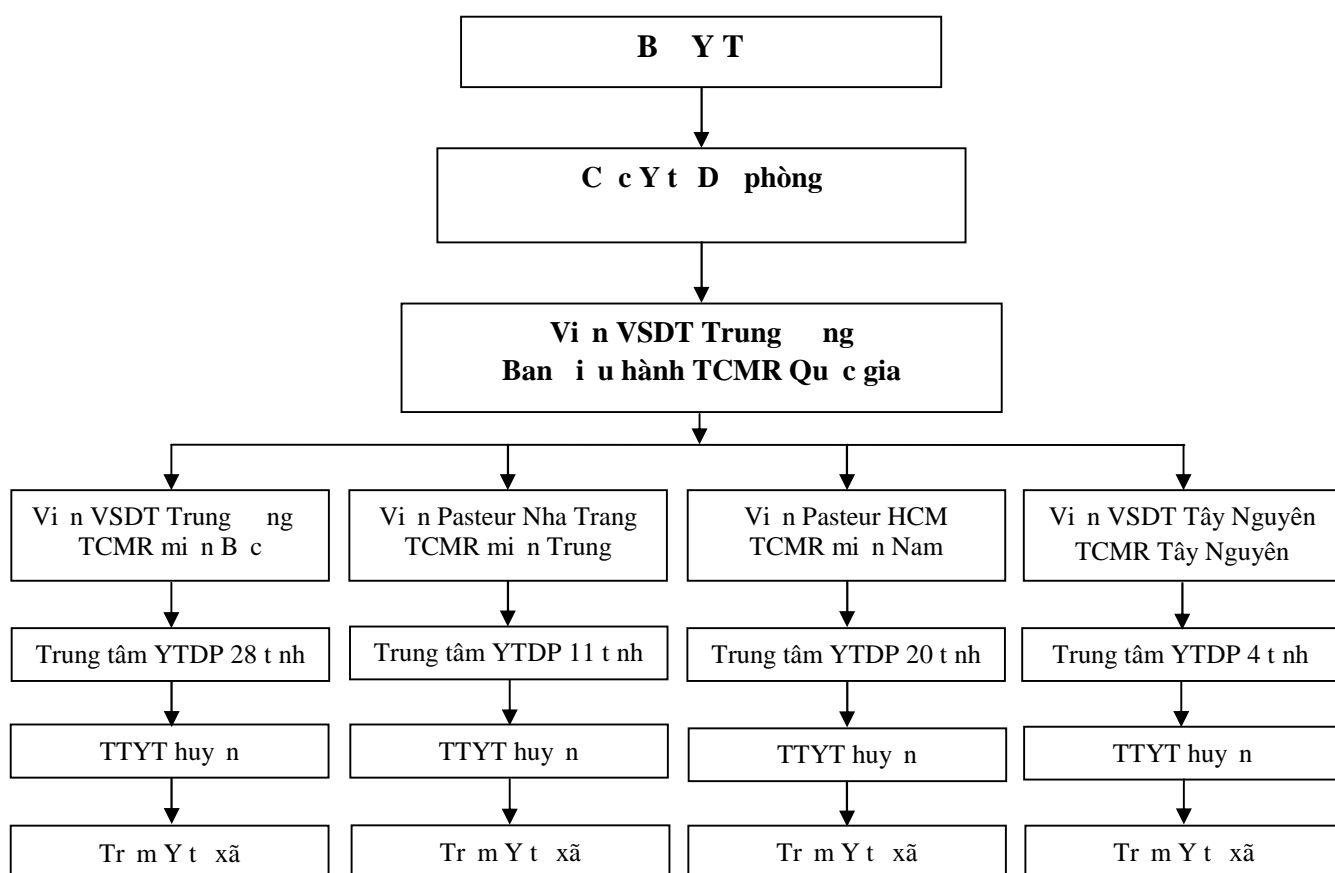
Hình 1: Các tỉnh ảnh giá

2. T NG QUAN

Việt Nam có diện tích khoảng 330.000 km² và dân số gần 87⁴ triệu người. Về mặt hành chính, Việt Nam được chia thành 04 khu vực và 63 tỉnh/thành phố. Năm 2011, tổng số trẻ dưới 1 tuổi khoảng 1,6 triệu trẻ và khoảng 1,6 triệu phụ nữ có thai, 1,1 triệu phụ nữ tử vong (15-35) từ vùng có nguy cơ cao mắc bệnh viêm não⁵.

2.1 T ch c tiêm ch ng⁶

TCMR Việt Nam thuộc hệ thống y tế công lập, được phân bổ ngân sách từ ngân sách gia đình các trường mầm xã/phường.



Hình 2. C c u h th ng Tiêm ch ng m r ng Việt Nam

2.2 L ch tiêm ch ng

Bảng 1 dưới đây là lịch tiêm chủng áp dụng trong chương trình TCMR năm 2011. Việc xin phê duyệt 5 trong 1 phòng các bệnh bạch hầu-ho gà-uốn ván-viêm gan B và Hib bắt đầu thực hiện trong chương trình TCMR từ giữa năm 2010 do UNICEF cung cấp nguồn tài trợ của GAVI.

⁴ Nguồn: Trang thông tin internet Tổng cục thống kê Việt Nam năm 2010,

⁵ Nguồn: Báo cáo tổng kết TCMR năm 2011

⁶ Phần này được trích dẫn từ Phần 4 của Báo cáo đánh giá TCMR toàn quốc, 5/2009.

Bảng 1: Lịch tiêm chủng năm 2011

Vaccine	Tuổi
BCG	Sinh
VGB	Sinh
OPV	2, 3, 4 tháng
DPT-VGB-Hib	2, 3, 4 tháng
Sởi	9 tháng và 18 tháng
Uốn ván	Phụ nữ có thai, nữ tuổi sinh đẻ - tổng số 5 liều, khoảng cách các thời gian giữa các liều 0, 1, 6, 12 và 18 tháng
DPT	Tiêm nhắc 18 tháng
Viêm não Nhật Bản	2 liều cách nhau 2 tuần trong năm đầu, 1 liều trong năm thứ 2
Thương hàn	1 liều cho trẻ 3-5 tuổi
T	2 liều cách nhau 1 tháng

2.3 Kế hoạch triển khai các vaccine mới

Đã triển khai trong thời gian tới, chương trình TCMR Việt Nam sẽ triển khai vaccine xin Rubella (đồng pha với vaccine xin Sởi: MR). Chỉ định tiêm MR đã triển khai trong năm 2013-2014 cho trẻ từ 9 tháng đến 14 tuổi. Từ năm 2015 sẽ đưa vào tiêm chủng thường xuyên cho trẻ 9 tháng tuổi.

2.4 Thông tin về các nhà sản xuất và vaccine trong chương trình TCMR

Bảng 2 dưới đây là thông tin về các nhà sản xuất vaccine và đồng trình bày.

Bảng 2. Thông tin về các loại vaccine trong chương trình TCMR.

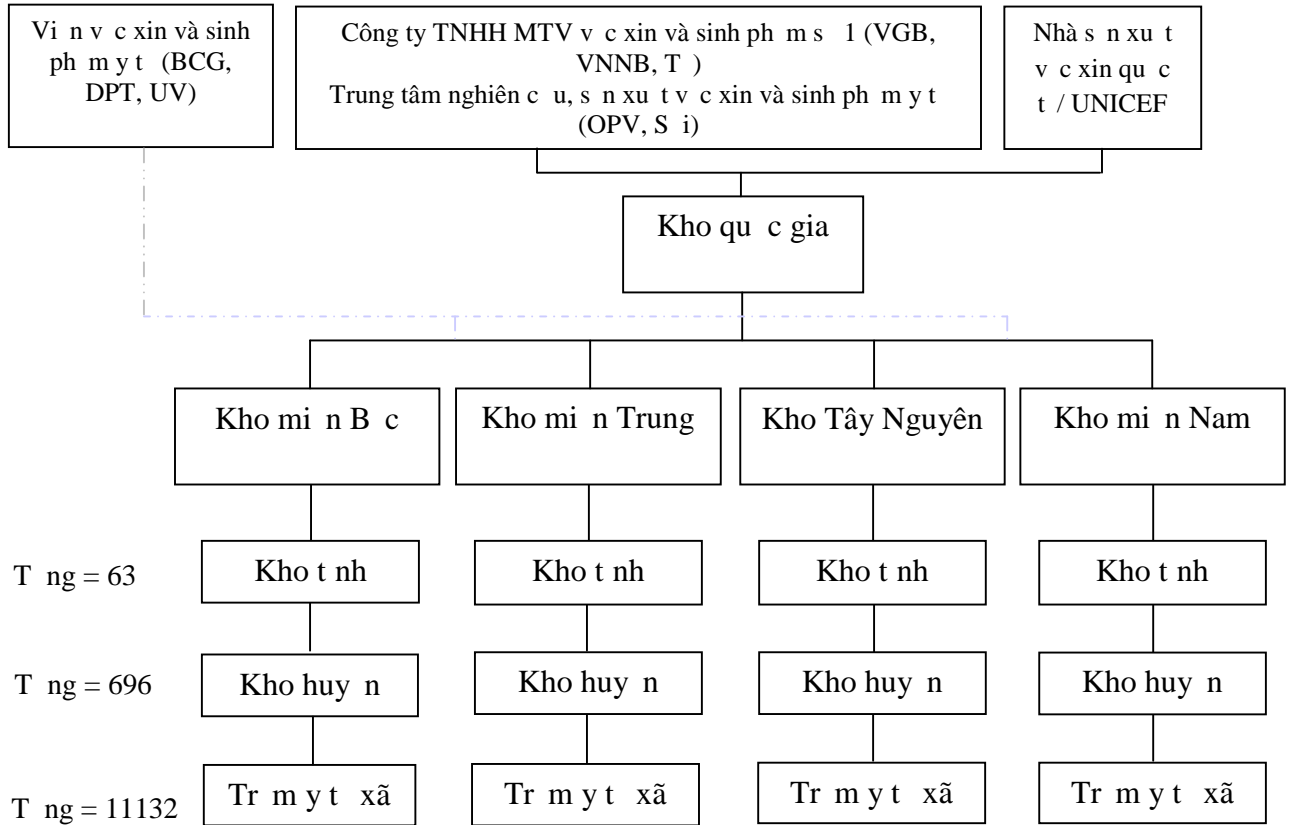
Vaccine	Nhà sản xuất	Số liều/l
BCG	Viện vaccine và sinh phẩm y tế (IVAC)	10
VGB	Công ty vaccine và sinh phẩm số 1 (Vabiotech)	1
OPV	Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vaccine và sinh phẩm y tế (POLYVAC)	20
DPT-VGB-Hib	Berna	1
Sởi (VN)	Trung tâm nghiên cứu, sản xuất vaccine và sinh phẩm y tế	10
Sởi (Pháp)	Sanofi- Pasteur	10
Uốn ván	Viện vaccine và sinh phẩm y tế	20
VNNB	Công ty vaccine và sinh phẩm số 1	5
DPT	Viện vaccine và sinh phẩm y tế	20
Thương hàn	Công ty TNHH MTV Pasteur Đà Lạt (DAVAC)	20

3. KHÁI QUÁT VỀ DÂY CHUYỀN CUNG CẤP BỒ QUẢN VACCIN

Phần này mô tả tổng quan về dây chuyền cung ứng vắc xin tại Việt Nam, tóm tắt thông tin về sơ đồ, sắp xếp và chuyển trong nước, ghi chép và thống kê báo cáo số liệu.

3.1 Cấu trúc

Đi kèm với cấu trúc công nghiệp, sơ đồ tổ chức của Việt Nam thể hiện như trong hình 3.



Kho 40% Trạm y tế có tiêm chủng

Kho 60% Trạm y tế không có tiêm chủng

Hình 3 – Cấu trúc công nghiệp

3.2 Chức năng

Phần này mô tả vai trò của chức năng và dây chuyền liên quan đến các tuyến trong quá trình phân phối.

3.2.1 Kho Quốc gia

Kho Quốc gia nằm trong Viện Vệ sinh Dịch tễ trung ương. Kho quốc gia gồm 8 buồng lạnh, trong đó có 2 buồng lạnh âm và có 1 kho riêng chứa dung môi. Mỗi buồng lạnh có 2 máy lạnh chạy luân phiên, hệ thống giám sát liên tục và hệ thống báo động khẩn cấp. Do không có kho khô tại Kho Quốc gia nên BKT và HAT được bảo quản tại kho Giáp Bát (hợp đồng với công ty Medinsco).

3.2.2 Các kho khu vực

3.2.2.a Kho khu vực miền Bắc

Kho miền Bắc tại Viện V sinh D ch t Trung ng. Kho có 6 buồng l nh trong đó có 1 buồng l nh âm (B4). Mỗi buồng l nh có hai máy l nh ch y luân phiên và m t h th ng a gi y ghi nhi t liên t c cùng h th ng báo ng khi nhi t ngoài kho ng an toàn.

Kho miền Bắc c ng nh kho Qu c gia không có kho b o qu n BKT và HAT t i Vi n V sinh D ch t trung ng. V t t đ tr c b o qu n t i kho Giáp Bát có di n tích kho ng 100 m².

3.2.2.b Kho khu vực miền Trung

Kho miền Trung tại Viện Pasteur Nha Trang, Nha Trang, Khánh Hòa. Kho có 4 buồng l nh đ ng, 1 buồng l nh âm (B2) và 1 buồng l nh ch a s đ ng t i (B5). Các buồng l nh u có 2 máy l nh ch y luân phiên tuy nhiên ch có b n ghi chép nhi t 2 l n/ngày, không có thi t b ghi nhi t liên t c và không có thi t b báo ng. Kho không b o qu n BKT và HAT c a mi n Trung kho ng 197 m³ và cùng tòa nhà v i kho l nh.

3.2.2.c Kho khu vực miền Nam

Kho miền Nam tại Viện Pasteur thành ph H Chí Minh. Kho có 4 buồng l nh đ ng b o qu n v c xin, 1 buồng l nh đ ng ch a dung môi (B5) và 1 buồng l nh âm (B4). Các buồng l nh t i kho miền Nam có b n ghi chép nhi t 2 l n/ngày. Trong các buồng l nh có buồng B6 ch có 1 máy l nh và buồng dung môi có 1 máy l nh b h ng. Các buồng l nh b o qu n v c xin u có g n v i thi t b báo ng nhi t .

3.2.2.d Kho khu vực Tây Nguyên

Kho Tây Nguyên tại Viện V sinh D ch t Tây Nguyên- Buôn Mê Thu t- k L k. Kho Tây Nguyên có 2 buồng l nh đ ng (B2, B3) ang ho t ng và 1 buồng l nh (B4) ch a s đ ng vì không có v trí t. Hai buồng l nh ch có b n ghi chép nhi t 2 l n/ngày. Buồng l nh B2 có 2 máy l nh, buồng l nh B3 ch có 1 máy l nh, hai buồng l nh u có g n v i thi t b báo ng nhi t . Do ch còn 2 buồng l nh đ ng ho t ng nên t i kho này, OPV c b o qu n t i t á (Vestfost).

3.2.3 Các kho tụy n t nh

T i 12 t nh ánh giá, v c xin u c b o qu n trong t l nh và t á, trong ó 9/12 t nh có b o qu n v c xin OPV trong t á. Trong 12 t nh ch có Ninh Bình không có t á, còn hai t nh Qu ng Tr và k Nông ch s đ ng t á làm ông b ng bình tích l nh.

T nh L ng S n, C n Th không b o qu n b m kim tiêm và h p an toàn t i kho tụy n t nh.

3.2.4 Các kho tuyến huyện

Trong giai đoạn đánh giá, các huyện sử dụng tổng cộng 1 nh TCW 3000 báo quan vắc xin. 5/24 huyện không có tắ, các huyện còn lại có tắ làm ông bình tích 1 nh. Riêng 2 huyện thu c t nh Bà R a- V ng Tàu có báo quan vắc xin OPV tắ.

3.2.5 Các trạm y tế xã

Trong 48 xã đánh giá 1 n này có 27 xã có tắ 1 nh, trong ó có 8 xã sử dụng báo quan vắc xin thông xuyên, 3 xã chỉ báo quan vắc xin viêm gan B, 16 xã còn lại chỉ báo quan vắc xin trong buổi tiêm chủng và sử dụng làm ông bình tích 1 nh. Các xã có báo quan vắc xin ngoài buổi tiêm chủng là nh ng xã có tắ 1 nh chuyên d ng nh RCW 50 EG. Nh ng xã chỉ báo quan vắc xin trong buổi tiêm chủng v n theo dõi nhi tắ tắ 1 nh 2 l n/ngày nh m m b o tắ 1 nh ch y n nh.

Các xã còn lại sử dụng phích vắc xin trong buổi tiêm chủng và nh ng vắc xin nguyên 1 còn lại sau buổi tiêm chủng sẽ c g i v huyện báo quan.

3.3 Ph ng tí n v n chuy n v c xin

Các vắc xin ang sử dụng trong chương trình TCMR sẽ sản xuất các nhà sản xuất vắc xin trong n c và n c ngoài. i v i các vắc xin c a các nhà sản xuất quốc t , TCMR qu c gia sẽ nh n v c xin t i sân bay, chuy n n kho Qu c gia sau ó phân ph i cho các khu vực b ng máy bay hoặc xe 1 nh.

i v i các vắc xin sản xuất trong n c, m t s nhà sản xuất (Vi n vắc xin và sinh phẩm y t , Công ty TNHH MTV vắc xin Pasteur à L t) sẽ v n chuy n tr c tí p vắc xin t i các kho khu vực b ng xe 1 nh. Các nhà sản xuất vắc xin còn lại sẽ giao vắc xin t i kho qu c gia và TCMR qu c gia sẽ v n chuy n v c xin t i các khu vực b ng xe 1 nh hoặc máy bay.

Sau khi tí p nh n vắc xin và v t t , các khu vực sẽ v n chuy n v c xin t i các kho tuyến t nh b ng xe 1 nh. Trong m t s chỉ d ch hoặc khi có nhu c u tắ xuất, các t nh sẽ sử dụng ô tô và hòm 1 nh n nh n vắc xin t i kho khu vực.

Trong tắ đánh giá có 5/12 t nh v n chuy n v c xin tiêm chủng thông xuyên t i các huyện hàng tháng b ng hòm 1 nh, 4/12 t nh chỉ v n chuy n v c xin chỉ d ch và vắc xin tiêm chủng thông xuyên cho m t s huyện xa, 3 t nh còn lại huyện sử dụng hòm 1 nh n nh n vắc xin hàng tháng t i t nh. Các huyện không có ph ng tí n v n chuy n v c xin c nh, có thể v n chuy n b ng ô tô, xe máy, ghe thuy n...

Các xã sẽ lên huyện nh n vắc xin vào buổi sáng ngày tiêm chủng hoặc tr c ngày tiêm chủng 1 ngày b ng phích vắc xin. Các xã thông sử dụng ph ng tí n cá nhân v n chuy n v c xin.

TCMR qu c gia có k ho ch chi tr kinh phí cho việc v n chuy n v c xin t kho qu c gia n khu vực, t khu vực n t nh...

3.4 *Hình thức ghi chép và báo cáo*

- Theo dõi nhật ký: Tất cả các tuyến ưu đãi hiện hành theo dõi nhật ký bằng 1 nháp, định kỳ, tổng cộng, tối đa 2 lần/ngày và 7 ngày trong tuần, các bản ghi chép nhật ký này có hiệu lực ít nhất 3 năm. Riêng với kho Quốc gia và miền Bắc, các địa phương địa phương ghi nhật ký liên tục hàng năm có hiệu lực cùng các bản ghi chép tay.
- Quản lý vé xin: Tất cả các tuyến ưu đãi cung cấp sổ quản lý vé xin và vé tít thêm có ghi rõ các thông tin cần ghi nhận các loại vé xin, vé tít.
- Báo cáo thêm chi phí: Hàng tháng các tuyến ưu đãi yêu cầu ghi báo cáo thêm chi phí trong sổ có phần báo cáo vé vé xin và vé tít thêm chi phí sổ định kỳ trong tháng.
- Biên bản giao nhận vé xin: Tất cả các tuyến, mỗi lần giao vé xin ưu đãi có ít nhất 1 biên bản có ghi tên vé xin, số lượng vé xin và các ký nhận ủy thác của các bên giao nhận.

4. CÁC PHÁT HIỆN CHÍNH

Phần này trình bày kết quả tổng quan của đánh giá theo các tuyến: quốc gia, khu vực, tỉnh, huyện và xã.

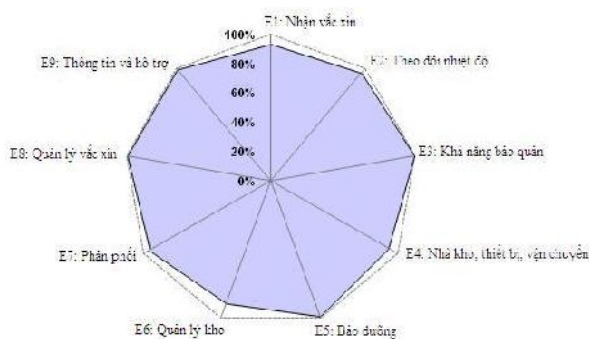
4.1 Kho quốc gia

Xét 9 tiêu chuẩn từ E1-E9, kho Quốc gia đạt từ 80% trở lên (năm 2009, chỉ có 2/9 tiêu chuẩn đạt trên 80% là tiêu chuẩn E2-theo dõi nhiệt độ và E3-khả năng bảo quản⁷), thấp nhất là phần E6 quản lý kho, đạt 89%. Trong 9 tiêu chuẩn đánh giá, có ba tiêu chuẩn đạt tối đa 100% là E3 khả năng bảo quản, E8 quản lý vận chuyển và E9 thông tin và hỗ trợ.

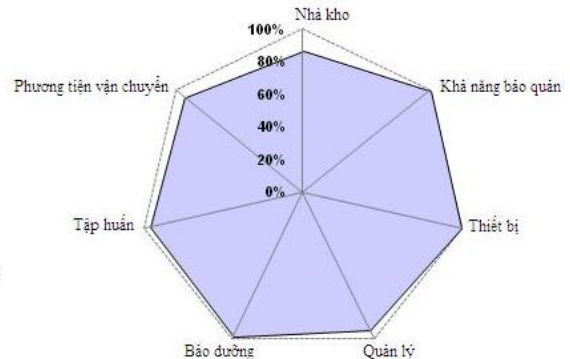
Xét 7 hạng mục, kho Quốc gia đạt 7 hạng mục trên 80%, trong đó thấp nhất là hạng mục Nhà kho đạt 87% và cao nhất là hạng mục khả năng bảo quản đạt tối đa 100% (năm 2009 chỉ có 3/7 hạng mục đạt trên 80% là hạng mục khả năng bảo quản, thiết bị và phân phối⁷).

Một số vấn đề tồn tại kho Quốc gia là kho Quốc gia vẫn chưa có khu vực đóng gói, thông thoáng vì có đóng gói thì hành bên ngoài khu vực kho lạnh không đảm bảo nhiệt độ khu vực đóng gói duy trì trong khoảng 15-25°C.

Biểu 1 và biểu 2 dưới đây là những số liệu thể hiện tổng tiêu chuẩn và hạng mục của kho Quốc gia.



Kho Quốc gia



Kho Quốc gia

Biểu 1: đánh giá 9 tiêu chuẩn kho quốc gia

Biểu 2: đánh giá 7 hạng mục kho quốc gia

4.2 Các kho khu vực

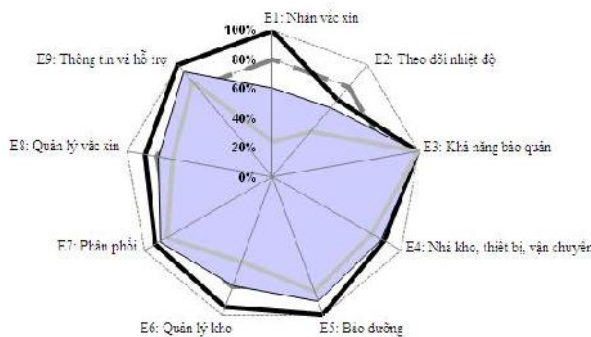
Biểu 3 và biểu 4 dưới đây là tính điểm cho 4 khu vực và 9 tiêu chuẩn và 7 hạng mục.

Xét 9 tiêu chuẩn, có 4 tiêu chuẩn E1, E2, E6, E8 không đạt tiêu 80% (năm 2009 có 7/9 tiêu chuẩn không đạt tiêu 80%⁷). Tiêu chuẩn E1 nhận vận chuyển không đạt tiêu do các kho miền Bắc và Tây Nguyên không hoàn thiện báo cáo nhận vận chuyển cho mặt tỉnh nhận vận chuyển do vậy không quản lý các thông tin vận chuyển tồn tại không lưu

⁷ Báo cáo đánh giá Quản lý vận chuyển hiện tại của Việt Nam năm 2009

giống y phép xuất xứ cho các lô vắc xin đã nhận trong năm 2011. Tiêu chuẩn E2 theo dõi nhiệt độ không đạt mức tiêu do các kho Tây Nguyên, miền Nam và miền Trung không có thiết bị ghi nhiệt liên tục cho các buồng lạnh và hiện nay các kho quốc gia/khu vực chưa thực hiện nghiên cứu theo dõi nhiệt một cách có hệ thống trong 5 năm vừa qua. Tiêu chuẩn E6 quản lý kho không đạt mức tiêu do tất cả kho miền Bắc vắc xin không xuất theo nguyên tắc hàng số hàng trình, tất cả kho miền Nam dung môi không quản lý vắc xin. Tiêu chuẩn E8 quản lý vắc xin không đạt mức tiêu do tất cả kho miền Trung cán bộ kho không nêu các nghi m pháp lý, tất cả kho miền Nam, hao phí vắc xin chưa tính chi phí vắc xin viêm não Nhật Bản.

Xét 7 hạng mục, chỉ có hạng mục Quản lý không đạt mức tiêu 80% do các kho khu vực còn một vài điểm thi u sót trong việc quản lý kho, quản lý vắc xin như đã kể trên (năm 2009 có 5/7 hạng mục không đạt 80%⁷).



Các kho khu vực



Các kho khu vực

Biểu 3: Đánh giá 9 tiêu chuẩn 4 kho khu vực

Biểu 4: Đánh giá 7 hạng mục 4 kho khu vực

4.3 Các kho tuyến tỉnh

Xét 8 tiêu chuẩn (họ tên người nhận vắc xin từ nhà cung cấp không thể hiện từ các tuyến tỉnh, huyện, xã do vậy không đánh giá tiêu chuẩn E1 từ các tuyến này) của 12 tỉnh đánh giá, chỉ có tiêu chuẩn E7 phân phối không đạt mức tiêu 80% do một số tỉnh còn chưa có lịch phân phối cho các huyện, một số tỉnh không có báo cáo theo dõi lịch phân phối và thực tế phân phối. Một số tỉnh khác không có kế hoạch dự phòng vắc xin các trường hợp khẩn cấp trong phân phối, các tỉnh khi phân phối đều có chuyên trách tiêm chủng cùng nên lái xe thường không biết cách kh c ph c s c khi gặp vấn đề nguy cấp như hỏng vắc xin, một số tỉnh không vận chuyển vắc xin (khu vực xa xôi, huyện lên nhận) do vậy công không xây dựng kế hoạch dự phòng vắc xin trường hợp khẩn cấp này. Hiện tại các tỉnh số người xuất kho theo mục a phòng Kế toán khi giao nhận vắc xin do đó không quản lý số số lô, hạn dùng hay tình trạng nhiệt độ/VVM của các vắc xin mà mình giao nhận mà chỉ quản lý số số lô nhập các vắc xin. Năm 2009, tất cả các kho tuyến tỉnh, không có tiêu chuẩn nào đạt mức tiêu 80%⁷.



Biểu đồ 5: Đánh giá 8 tiêu chuẩn 12 kho tuyến tỉnh

Xét 7 hình minh họa, các kho tuyến tỉnh có 2 hình minh họa thất bại và phần lớn không đạt mức tiêu 80% (năm 2009 có 6 hình minh họa không đạt mức tiêu 80%, chỉ có hình minh họa phần lớn trên 80%⁷). 9 tỉnh có vận chuyển vắc xin sử dụng ô tô cá nhân. Các Trung tâm YTDP tự tổ chức chuyên trách TCMR có thành nhân và phân phối vắc xin kịp thời do vận chuyển trực tiếp ra các trạm y tế không có phần nhân nhân, cấp vắc xin trong TCMR.

V hình minh họa thất bại, hầu hết các tỉnh đều có thất bại, tất cả tiêu chuẩn kỹ thuật của WHO, tuy nhiên, các thất bại, tất cả không có thất bại ghi nhận liên tục, các thất bại không có chi phí công bằng cùng vắc xin như ý công bằng mà chỉ có nhân kỹ cùng vắc xin và cán bộ kho hay chuyên trách tiêm chủng theo dõi nhiệt các thất bại, tất cả 21 n/ngày và 7 ngày trong tuần. Các thất bại, tất cả không có sự ghi nhận kỹ máy dù các thất bại có bộ phận nhân kỹ.

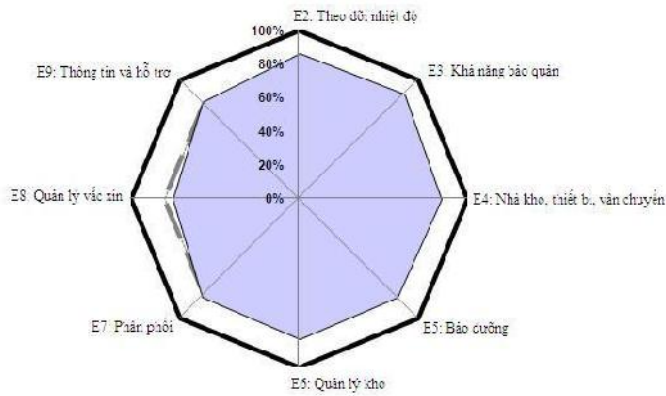


Biểu đồ 6: Đánh giá 7 hình minh họa 12 kho tuyến tỉnh

4.4 Các kho tuyến huyện

Xét 8 tiêu chuẩn (t E2-E9), có 1 tiêu chuẩn E8 - Quản lý vắc xin không đạt mức tiêu 80% (năm 2009 có 6 tiêu chuẩn không đạt 80%, hai tiêu chuẩn đạt mức tiêu là E3-khả năng bảo quản và E5-bộ phận⁷). Tiêu chuẩn E8 đánh giá về khả năng quản lý vắc xin của cán bộ kho, cán bộ chuyên trách tiêm chủng bao gồm những câu hỏi về nghi m pháp lý, chi phí nhân lực vắc xin (VVM), tính hao phí vắc xin... Tất cả nhân nhân do cán b

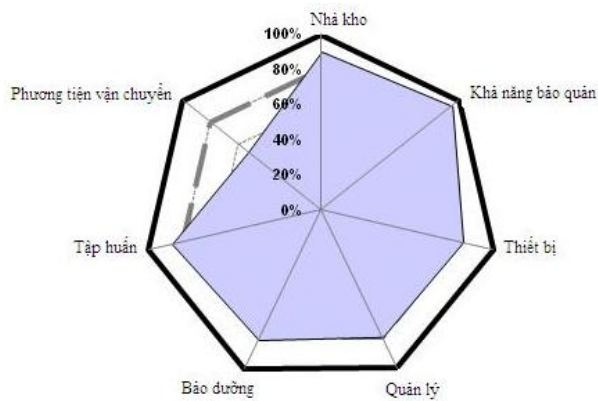
kho m i ho c ch a c t p hu n v qu n lý v c xin do v y các ki n th c v v c xin ch a y .



Kho tuyến huyện

Bi u 7: ánh giá 8 tiêu chu n c a 24 huy n

Xét 7 h ng m c, h ng m c v ph ng ti n ch t 53% do 10/24 huy n không v n chuy n v c xin. Hàng tháng t nh chuy n v c xin t i cho huy n và các xã s lên huy n nh n v c xin. M t s huy n tuy có v n chuy n v c xin nh ng s d ng các ph ng ti n nh xe máy cá nhân hay xe khách do v y các ch tiêu ánh giá v ph ng ti n không áp ng y các yêu c u. N m 2009, các kho tuy n huy n có 4 tiêu chu n không t m c tiêu 80%⁷.



Kho tuyến huyện

Bi u 8: ánh giá 7 h ng m c c a 24 huy n

4.5 Các tr m y t xã

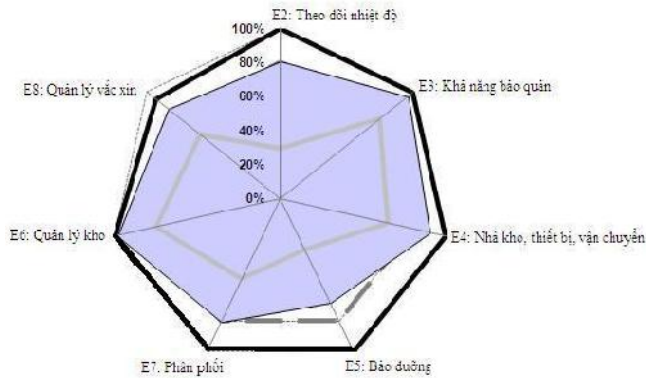
Tuy n xã là tuy n cung c p d ch v tiêm ch ng, do v y t i tuy n này không ánh giá hai tiêu chu n E1- nh n v c xin t nhà cung c p, E9- thông tin, h tr và m th ng m c ph ng ti n v n chuy n.

Các xã có t l nh

Xét 7 tiêu chu n, các xã có t l nh có 1 tiêu chu n E5 - B o d ng không t m c tiêu 80% (n m 2009, 6/7 tiêu chu n không t m c tiêu 80%⁷). i v i các xã có t l nh, tiêu chu n này ánh giá ch tiêu v b o d ng nhà kho c a Tr m y t và ch tiêu v b o d ng h th ng dây chuy n l nh. Hi n nay, t t c h th ng dây chuy n l nh s d ng trong ch ng trình tiêm ch ng m r ng u c b o d ng nh k b i công ty Mediconsult (ngo i tr t l nh dân d ng, các tr m y t t thuê b o d ng), tuy nhiên các

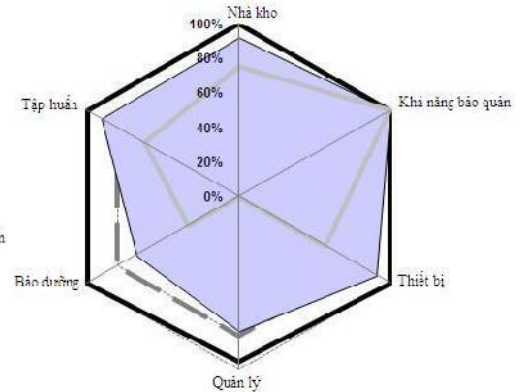
xã không l u l i biên b n b o d ñng c a công ty. V b o d ñng, tu s a cho nhà kho c a tr m y t , các xã có t l nh th ñng không có k ho ch và sau khi s a ch a không l u l i biên b n bàn giao hay nghi m thu.

Xét 6 h ñng m c, có 2 h ñng m c không t m c tiêu 80% là h ñng m c qu n lý (77%) và s a ch a/b o d ñng (68%) (n m 2009, 4/6 h ñng m c không t 80%⁷).



Các xã có tủ lạnh

Bi u 9: ánh giá 7 tiêu chu n c a 27 kho tuy n xã có t l nh



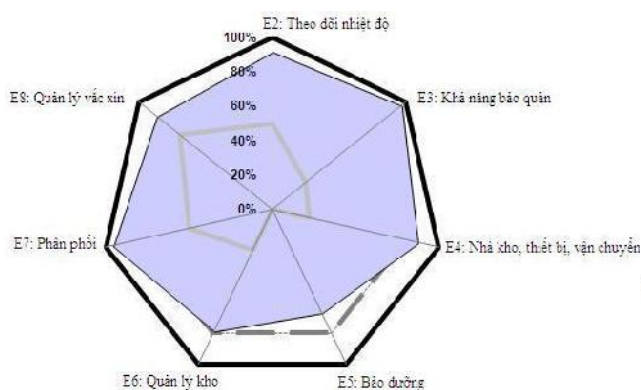
Các xã có tủ lạnh

Bi u 10: ánh giá 6 h ñng m c c a 27 kho tuy n xã có t l nh

Các xã không có tủ lạnh

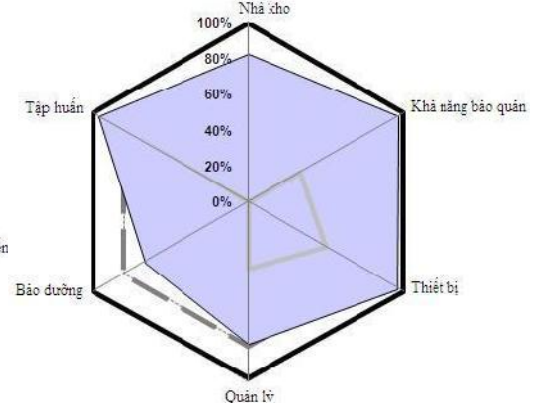
Xét 7 tiêu chu n, các xã không có t l nh có 2 tiêu chu n E5 - B o d ñng và E6 - Qu n lý kho không t m c tiêu 80%. Tiêu chu n E5 b o d ñng ch ánh giá ch tiêu v b o d ñng, tu s a tòa nhà tr m y t , tiêu chu n này t 67% ph n l n do các tr m y t xã th ñng không có k ho ch b o d ñng, tu s a tr m y t , n u có k ho ch thì sau khi s a ch a c ñng không l u l i biên b n bàn giao hay nghi m thu. Tiêu chu n E6 qu n lý kho t 79% do m t vài xã không qu n lý v ñung môi ho c không qu n lý y các thông tin v v c xin, ñung môi theo yêu c u, thi u v c xin ch y u do tuy n trên không cung c p v c xin theo ñ tr ñ và h u h t các xã ánh giá không h y v c xin nguyên l ñn không th c hi n vì c xem xét các báo cáo h y v c xin 2 l n/n m.

Xét 6 h ñng m c, các xã không có t l nh có 2 h ñng m c không t m c tiêu 80%, ó là h ñng m c qu n lý (79%) và h ñng m c s a ch a/b o d ñng (67%).



Các xã không có tủ lạnh

Bi u 11: ánh giá 7 tiêu chu n c a 21 kho tuy n xã không có t l nh



Các xã không có tủ lạnh

Bi u 12: ánh giá 6 h ñng m c c a 21 kho tuy n xã không có t l nh

5. PHÂN TÍCH CHI TIẾT VÀ KẾT LUẬN

5.1 Tiêu chuẩn E1 nh n v c xin:

Nh n v c xin t nhà s n xu t trong n c, nh p v c xin qua UNICEF và không qua UNICEF c n c theo dõi, báo cáo ch t ch . Đây là i m quan tr ng nh t m b o v pháp lý v c xin ã c chuy n an toàn t nhà s n xu t t i TCMR. Báo cáo nh n v c xin g m 7 ph n theo nh m u c a UNICEF ch a c áp d ng cho t t c các chuy n nh n t nhà s n xu t.

Tiêu chu n E1 nh n v c xin ch ánh giá t i kho tuy n qu c gia/khu v c. Hi n t i kho khu v c mi n B c và Tây Nguyên không g i l i báo cáo nh n v c xin cho TCMR qu c gia. Do không làm báo cáo nên t i hai kho mi n B c và Tây Nguyên, các gi y t liên quan n v c xin không y , c th là không có y gi y ch ng nh n xu t x ng cho các lô v c xin ã nh n.

5.1.1 K t lu n v th t c nh n v c xin

C n th c hi n theo Quy trình chu n nh n v c xin m b o Báo cáo nh n v c xin g m 7 ph n nh m u c a UNICEF ho c nguyên m u c a UNICEF c s d ng th ng xuyên trong t t c các l n nh n v c xin. Gi y ch ng nh n xu t x ng là thành ph n không th thi u trong h s c a m i chuy n hàng. Ngo i tr tr ng h p nh n v c xin t Vabiotech t i Kho qu c gia, các chuy n v c xin c n ph i có thi t b theo dõi nhi t liên t c ho c ít nh t có s d ng Q – Tag. Đây là cách duy nh t có hi u qu m b o v c xin c b o qu n nhi t an toàn trong quá trình v n chuy n.

5.2 Tiêu chuẩn E2 theo dõi nhi t

5.2.1 Các kho tuy n qu c gia, khu v c:

Tiêu chu n này ánh giá y các y u t liên quan n theo dõi nhi t . Hi n nay, các bu ng l nh c a kho mi n Trung, Tây Nguyên và mi n Nam không có thi t b ghi nhi t liên t c, ch có b n ghi chép nhi t 2 l n l ngày. Bu ng l nh âm t i kho Tây Nguyên ang h ng do v y t i kho Tây Nguyên, v c xin OPV c b o qu n trong t á.

Các cán b qu n lý kho t i các tuy n qu c gia/khu v c n m c nhi t b o qu n các lo i v c xin và nêu c các v c xin nh y c m v i nhi t cao hay nhi t ông b ng.

5.2.2 Các kho tuy n t nh, huy n, xã

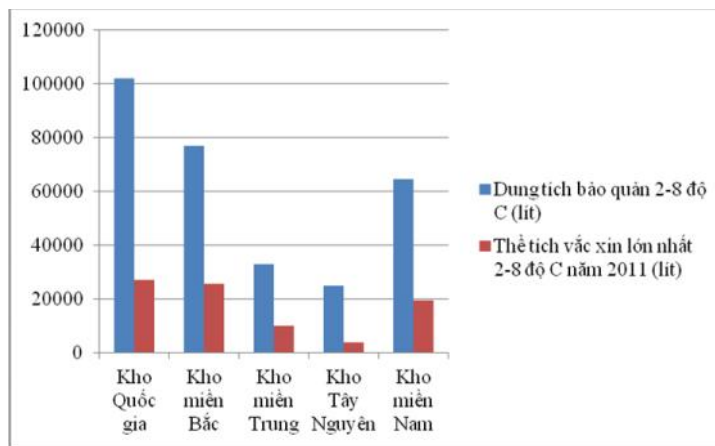
Các kho tuy n t nh, huy n và các xã có t l nh c ng không có thi t b ghi nhi t liên t c, ch có b n ghi chép nhi t 2 l n l ngày. H u h t t i các tuy n, cán b kho u n m c v nhi t b o qu n các lo i v c xin và c t p hu n v b o qu n v c xin.

Bên cạnh hệ thống EVM yêu cầu các báo cáo theo dõi nhiệt độ cần được xem xét lại hàng tháng có thể phát hiện các xu hướng thay đổi nhiệt độ và có hành động ứng phó phù hợp. Hoạt động này cũng thể hiện hiệu quả hơn nếu không chỉ sử dụng báo cáo theo dõi nhiệt độ mà còn sử dụng các thiết bị ghi nhiệt độ liên tục.

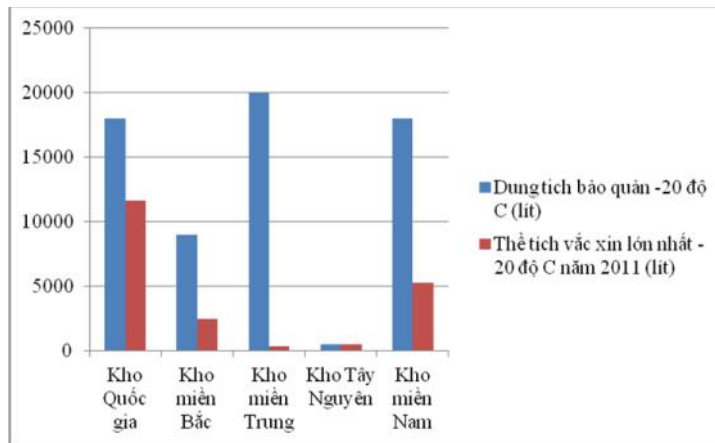
5.3 Tiêu chuẩn E3 kho lạnh bảo quản

5.3.1 Các kho tuyến quốc gia/khu vực

Các kho quốc gia/khu vực đều bảo quản vắc xin trong tủ lạnh, ngoài trừ kho Tây Nguyên do tủ lạnh âm độ và có số lượng vắc xin OPV không nhiều nên bảo quản vắc xin OPV trong tủ đá. Các kho quốc gia/khu vực đều có ít nhất trên 80% trong tiêu chuẩn này.



Biểu đồ 23: Khả năng bảo quản vắc xin 2-8 độ C các kho Quốc gia và Khu vực

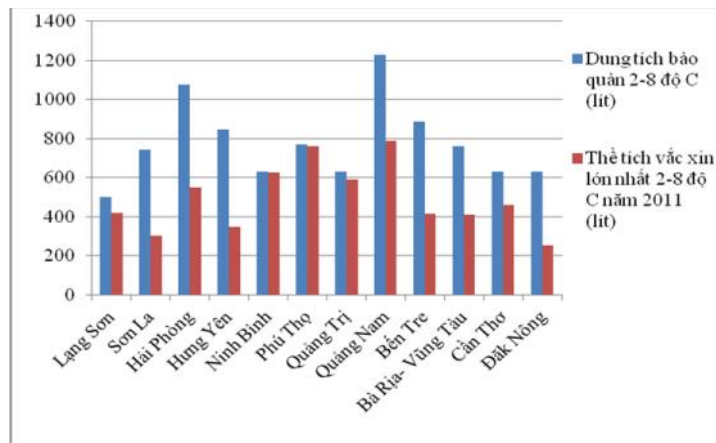


Biểu đồ 24: Khả năng bảo quản vắc xin -15 đến -25 độ C các kho Quốc gia và Khu vực

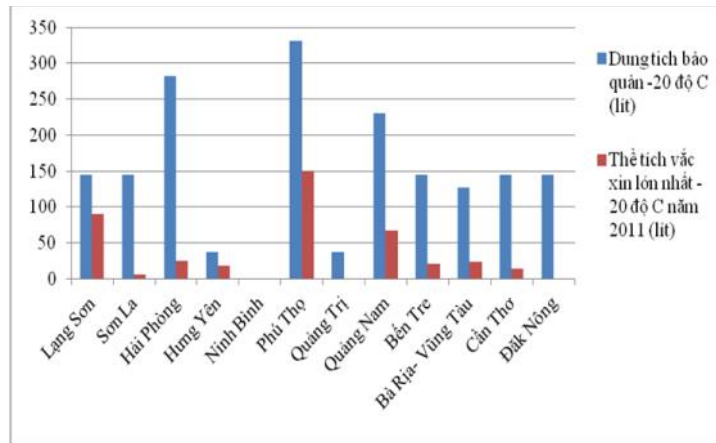
5.3.2 Các kho tuyến tỉnh

Hầu hết các tỉnh đánh giá tốt trên 80% ngoài trừ Hải Phòng, Kiên Giang. Kiên Giang không bảo quản vắc xin OPV trong tủ đá và không có sách liên hệ trong trường hợp khẩn cấp. Tại Hải Phòng, khi so sánh khả năng vận chuyển từ địa phương và số lượng vắc xin phát vắc xin nhiệt độ trong năm thì không dung tích bảo quản vắc xin chuyên. Tuy nhiên, vì vận chuyển, cấp phát vắc xin địa phương này không chỉ sử dụng các

hồm l nh, phích v c xin s n có t i t nh mà còn huy ng c t tuy n huy n do ó vì c c p phát v c xin không b nh h ng.



Bi u 25: Kh n ng b o qu n v c xin 2-8 C c a 12 kho tuy n t nh



Bi u 25b: Kh n ng b o qu n v c xin -15 n -25 C c a 12 kho tuy n t nh

5.3.3 Các kho tuy n huy n

Có 2/24 huy n không t m c tiêu 80% cho tiêu chu n này là V n Lãng (L ng S n) và Tiên Ph c (Qu ng Nam) nh ng không ph i do kh n ng b o qu n không mà do t i 2 huy n này không có k ho ch ng phó v i các tr ng h p kh n c p nh m t i n, l l t...

5.3.4 Các tr m y t xã

Trong 48 xã ánh giá, có 2 xã là V n Th và Tân M (V n Lãng- L ng S n) không t m c tiêu trong tiêu chu n này và c ng gi ng 2 huy n k trên, v n t n t i 2 xã này không ph i là kh n ng b o qu n mà do 2 xã này không có b n k ho ch h ng d n cách gi i quy t v i các s c kh n c p nh m t i n, l l t...

5.4 Tiêu chu n E4 nhà kho, thi t b , v n chuy n

Tiêu chu n E4 ánh giá v nhà kho c a n v , các y u t liên quan n đây chuy n l nh nh đây chuy n l nh có t tiêu chu n c a WHO không hay có máy phát i n và n

áp g n v i h th ng dây chuy n l nh i v i các n v có ngu n i n không n nh không...

Hì n nay ngu n i n cung c p cho các c s y t h u nh là ngu n i n u tiên và g n nh t t c các c s u c trang b máy phát i n. Tuy nhiên các máy phát i n này u không cài t ch t kh i ng mà ph i có ng i b t khi m t i n.

Các t l nh chuyên d ng h u nh u có n áp i kèm, ngoài ra các n v u có m t n áp t ng cho t t c các thi t b i n s d ng t i c s do v y a s các n v u t i m t i a trong nh ng câu h i ph n này.

5.4.1 Các kho tuyen qu c gia/khu v c

Trong 5 kho qu c gia/khu v c có kho Tây Nguyên ch t 77% do nh ng nguyên nhân ã k n ph n trên. Ngo i tr kho qu c gia và mi n B c, 3 kho còn l i không có thi t b ghi nh i t liên t c t i các bu ng l nh. M t v n t n t i các kho tuyen qu c gia/khu v c là không có khu v c óng gói, th ng là khu v c tr ng trong kho, ôi khi v i s l ng l n s óng gói ngoài tr i, i u này không m b o các tiêu chí v khu v c óng gói nh EVM yêu c u: nhi t khu v c óng gói luôn duy trì trong kho ng t 15-25°C và không b ánh n ng tr c t i p chi u vào. Ngoài ra, t i các kho tuyen qu c gia/khu v c, v n phòng th kho th ng n m tòa nhà khác, cách xa kho l nh, trong khi ó, thi t b báo ng v nhi t th ng kê r t nh và m t s kho l nh không có thi t b ghi nh i t liên t c, do v y không m b o vi c theo dõi th ng xuyên i v i v c xin và x trí n u có s c x y ra.

5.4.2 Các kho tuyen t nh

Có 4/12 t nh ánh giá không t m c tiêu 80% trong tiêu chu n này. Tiêu chu n i v i các t l nh, t á là ph i có thi t b ghi nh i t liên t c ho c ch th ông b ng (i v i t l nh), tuy nhiên hi n nay ch th ông b ng t i các c s u ã h t h n s d ng và các t l nh, t á u không có thi t b ghi nh i t liên t c mà ch có nhi t k cùng v c xin.

5.4.3 Các kho tuyen huy n

Trong 24 huy n ánh giá có 5 huy n không t m c tiêu 80%. V n ch y u c a các huy n là ph ng t i n v n chuy n không thu c qu n lý c a tiêm ch ng do v y cán b tiêm ch ng không ki m soát c v tình tr ng ph ng t i n c ng nh các ch b o d ng, s a ch a ph ng t i n ó.

5.4.4 Các tr m y t xã

Có 5/48 xã không t m c tiêu 80% trong tiêu chu n này, trong ó có 4 xã b o qu n v c xin th ng xuyên. Lý do ch y u là do các t l nh không có thi t b ghi nh i t liên t c.

5.4.5 K t l u n v nhà kho, thi t b và v n chuy n

C n s d ng thi t b ghi nh t liên t c t i các tuy n qu c gia, khu v c, xem xét s d ng thi t b này i v i các t l nh, t á t i tuy n d i. Tuy n d i nên s d ng ch th ông b ng i n t .

5.5 Tiêu chu n E5 b o d ng

5.5.1 B o d ng h th ng dây chuy n l nh

i v i v i c b o d ng h th ng dây chuy n l nh, hi n nay, các t l nh trong ch ng trình tiêm ch ng m r ng tài tr b i chính ph Luxembourg c b o d ng và s a ch a nh k b i công ty Mediconsult và có biên b n sau m i l n b o d ng. V n b o d ng các bu ng l nh i v i tuy n qu c gia/khu v c và các t l nh không do chính ph Luxembourg tài tr thu c qu n lý c a n v .

5.5.2 B o d ng ph ng ti n

Tiêu chu n E5 b o d ng s ánh giá v k ho ch c ng nh quá trình th c hi n b o d ng trong n m 2011 t i các c s y t v các n i dung nh nhà kho c a c s y t , h th ng dây chuy n l nh, ph ng ti n v n chuy n... Hi n nay, i v i các tuy n, v i c th c hi n b o d ng các ph ng ti n không thu c ch c n ng c a tiêm ch ng m r ng. Ngo i tr xe l nh c a các kho qu c gia/khu v c, ph ng ti n v n chuy n các tuy n khác không dành riêng v n chuy n v c xin, v t t cho tiêm ch ng, do v y v i c i u ph i hay qu n lý ph ng ti n không c thu n l i. tuy n huy n, xã, c bi t là tuy n xã, cán b y t th ng s d ng phích v c xin và i xe máy c a cá nhân ho c xe khách nh n v c xin. M c dù các ph ng ti n v n chuy n luôn m b o ho t ng v n chuy n v c xin k p th i nh ng v i c b o d ng, s a ch a các ph ng ti n không t yêu c u theo nh EVM khuy n cáo.

5.5.3 B o d ng nhà kho

i v i tuy n xã, các câu h i v b o d ng, tu s a nhà kho c a tr m y t b m t i m r t nhi u do không có k ho ch cho v i c tu s a hàng n m c ng nh không có biên b n nghi m thu sau khi tu s a.

5.5.4 K t l u n v b o d ng

K ho ch b o d ng d phòng c n c duy trì t i t t c các tuy n. C n duy trì h th ng báo cáo và b o d ng dây chuy n l nh m b o thi t b c b o d ng nh k và c s a ch a k p th i khi g p s c .

5.6 Tiêu chu n E6 qu n lý kho

5.6.1 Qu n lý s sách

Ph n E6 qu n lý kho bao g m nh ng thông tin liên quan n qu n lý xu t nh p v c xin, ghi chép s sách, s p x p kho và quy trình h y v c xin an toàn. Có 2/4 kho khu v c,

3/12 kho tụy n t nh, 7/24 kho tụy n huy n và 20/48 kho tụy n xã không t m c tiêu 80% trong tiêu chu n này.

M t s n v ánh giá không qu n lý dung môi, ch qu n lý v c xin ho c không qu n lý y các thông tin v v c xin và dung môi nh ch qu n lý s l ng và h n dùng, không qu n lý s lô, hăng s n xu t. c bi t a s các n v không ghi chép l i v ch th nhi t l v c xin i v i các v c xin có ch th nhi t nh v c xin 5 trong 1, v c xin S i (Pháp) khi nh n và xu t v c xin. Do không ghi chép v dung môi nên t i các c s này câu h i v i chi u s l ng dung môi u không t i m t i a, tuy nhiên i a s các c s s l ng v c xin gi a s và m th c t kh p nhau và kh p v i s l ng dung môi m th c t .

M t v n n a t i các n v ánh giá là không có các quy nh v m c d tr kho và trong n m 2011 có nh ng t h t v c xin do ó không cung c p cho tụy n d i ho c không s d ng (i v i tụy n xã).

Do nhi u n v trong ánh giá l n này không h y v c xin nguyên l do v y nh ng câu h i v quy trình h y v c xin hay báo cáo h y v c xin r t khó khai thác, h u h t các câu tr l i nh n c là t i c s ch a bao gi h y v c xin nên không có biên b n h y v c xin l u gi c ng không có báo cáo h y v c xin theo dõi hay xem xét l n m 2 l n.

5.6.2 *Qu n lý giao nh n v c xin*

V vi c giao nh n v c xin, các n v ánh giá u có hóa n xu t kho cho m i l n giao nh n v c xin, có nh ng n v ch s d ng hóa n c a phòng k toán nh v y s ch theo dõi c v s l ng mà không qu n lý c s lô, h n dùng c a v c xin, dung môi xu t i và không ánh giá c tình tr ng v c xin khi giao nh n. M t s n v t t o m t m u hóa n giao nh n theo dõi y các thông tin v v c xin khi giao nh n. Tuy nhiên vi c này d n t i l ng s sách gi y t ph i hoàn thành và l u gi là khá l n.

5.6.3 *Kiểm kê v c xin*

V v n kiểm kê v c xin, i v i các tụy n t nh, huy n, xã, do nh n v c xin 1-2 tháng/l n nên sau m i l n xu t v c xin các cán b qu n lý kho l i ki m kê kho l l n, tuy nhiên trong các kho tụy n qu c gia/khu v c, ch có kho Tây Nguyên ki m kê kho sau m i l n xu t kho, các kho còn l i ch ki m kê l n m l l n.

5.6.4 *K t lu n v qu n lý kho v c xin*

C n qu n lý kho theo h n m c d tr an toàn, t i a, t i thi u. i u này h t s c quan tr ng nh m tránh c vi ch t v c xin ho c t n v c xin quá nhi u t i các tụy n.

5.7 *Tiêu chu n E7 phân ph i*

5.7.1 *Các kho tụy n qu c gia/khu v c*

i v i các tụy n qu c gia/khu v c, tiêu chu n này ánh giá v vi c l p k ho ch phân ph i và theo dõi v c xin trong quá trình v n chuy n. Không có kho qu c gia, khu v c nào t d i 80% trong tiêu chu n này.

5.7.2 Các kho tuyển t nh

Có 5/12 t nh không t m c tiêu 80% t i tiêu chu n này. Các t nh không t m c tiêu ch y u do không có k ho ch ng phó trong quá trình v n chuy n và ng i lái xe không bi t cách x trí trong các tr ng h p kh n c p, tuy nhiên, không bao gi ng i lái xe i m t mình v n chuy n v c xin, bao gi c ng có cán b chuyên trách tiêm ch ng i cùng.

5.7.3 Các kho tuyển huy n

Trong 24 huy n ánh giá, có 6 huy n không t m c tiêu là do các huy n này không có l ch phân ph i cho tuyển xã.

5.7.4 Các tr m y t xã

i v i tuyển xã, tiêu chu n này ch ánh giá v vi c theo dõi v c xin trong quá trình v n chuy n. Ch có 1 xã không t m c tiêu 80% do không óng gói v c xin vào phích v c xin theo h ng d n.

5.7.5 K t lu n v phân ph i v c xin

C n có l ch phân ph i và theo dõi quá trình phân ph i v c xin t i các tuyển. Nên có k ho ch t p hu n cho lái xe v n chuy n v c xin trong vi c x trí các tr ng h p kh n c p có th x y ra trong v n chuy n ngay c khi luôn có chuyên trách tiêm ch ng i cùng.

5.8 Tiêu chu n E8 qu n lý v c xin

Tiêu chu n này ánh giá ki n th c c a cán b kho và chuyên trách tiêm ch ng v v c xin nh nghi m pháp l c, ch th nhi t l v c xin, tính hao phí v c xin... i v i tuyển xã là i m cung c p d ch v , tiêu chu n này còn ánh giá ki n th c v s d ng v c xin trong bu i tiêm ch ng.

5.8.1 Các kho tuyển n qu c gia/khu v c

Có 2/5 kho tuyển n qu c gia/khu v c không t m c tiêu 80%. Nh ng thi u sót ch y u trong tiêu chu n này là nghi m pháp l c và tính hao phí v c xin. T i khu v c mi n Trung, cán b coi kho ch a nêu c chính xác khi nào và cách th c hi n nghi m pháp l c. Khu v c mi n Nam ch tính hao phí i v i v c xin viêm não Nh t B n còn các v c xin khác không tính hao phí.

5.8.2 Các kho tuyển t nh

5/12 kho tuyển t nh không t 80% trong tiêu chu n này. T nh Phú Th , cán b kho không nêu c nghi m pháp l c, 4 t nh còn l i không tính hao phí cho t ng lo i v c xin t i a ph ng.

5.8.3 Các kho tuyển huy n

Trong 24 huy n ánh giá có 11 huy n không t 80%, trong ó 6 huy n cán b kho không nêu c nghi m pháp l c và 5 huy n không tính hao phí v c xin t i a ph ng.

5.8.4 Các trạm y tế xã

Có 9/48 xã không đạt mức tiêu chí về tiêu chuẩn này, trong đó 3 xã không có trạm y tế và 6 xã có trạm y tế. Các xã này đều không tính hao phí về xin tài liệu. Trong 9 xã không đạt mức tiêu chí có 4 xã Văn Thành và Tân Mỹ (Văn Lăng - Lăng Sơn), Lăng Lăng (Cao Lăng - Lăng Sơn) và Thành An (Văn Thành - Thành Thành), cán bộ chuyên trách không nêu các nghị quyết pháp lý.

5.8.5 Kết luận về quản lý về xin

Kiểm tra cán bộ quản lý kho về nghị quyết pháp lý, sử dụng VVM trực tiếp của bộ. Báo cáo hao phí về xin có trong mẫu báo cáo chính thức tất cả các tuyến. Tuy nhiên tất cả tài liệu, hao phí về xin không được tính toán. Giám sát hồ sơ các thủ tục hiện tại đang xuyên các tuyến.

5.9 Thông tin và hồ sơ

Chỉ về tuyến quốc gia/khu vực, tiêu chuẩn E9 thông tin và hồ sơ đánh giá về các tài liệu hồ sơ, phương pháp tính nhu cầu về xin, BKT, HAT và các dịch vụ thuê ngoài tất cả. Chỉ về tuyến tỉnh, huyện, tiêu chuẩn này đánh giá về việc có hay không có tài liệu quy trình thực hiện chuẩn và phương pháp áp dụng tính nhu cầu về xin, BKT và HAT. Tiêu chuẩn này không sử dụng đánh giá tất cả kho tuyến xã.

5.9.1 Các kho tuyến quốc gia/khu vực

Các kho tuyến quốc gia/khu vực đều đạt mức tiêu chí trên 80% trong tiêu chuẩn này.

5.9.2 Các kho tuyến tỉnh

Có 2/12 tỉnh không đạt mức tiêu chí 80%. Có 2 tỉnh đều không có quy trình thực hiện chuẩn. Hưng Yên không sử dụng tài liệu báo phí và hao phí về xin tính toán dự trữ về xin còn Lạng Sơn không có phương pháp chuẩn dự trữ về xin hàng năm.

5.9.3 Các kho tuyến huyện

Trong 24 huyện đánh giá có 7 huyện không đạt mức tiêu chí về tiêu chuẩn này. Các vấn đề chủ yếu tồn tại là không có quy trình thực hiện chuẩn và không áp dụng phương pháp chuẩn tính toán dự trữ về xin hàng năm.

5.9.4 Kết luận về thông tin và hồ sơ

Tài liệu và thực hiện hồ sơ các thủ tục tồn tại. Cần giám sát hồ sơ thực hiện các quy trình thực hiện chuẩn về quản lý về xin.

6. KHUY N NGH

Nh ng khuy n ngh chỉ ti t trong ph n này c s p x p theo t ng tuy n cung ng v c xin. Ph n “Khuy n ngh chung” là t ng h p nh ng khuy n ngh áp d ng cho t t c các tuy n, khuy n ngh c th s c trình bày theo t ng tuy n.

6.1 Khuy n ngh chung

Nh ng i m chung

C ng c các th m nh chuyên môn hi n t i – Xem xét, ánh giá ki n th c và quy trình th c hi n t i các kho b o qu n v c xin có hi u qu , s d ng nh ng i m tích c c t i nh ng kho này làm c s cho vi c c i thi n h th ng m t cách r ng rãi.

S d ng EVM nh m t công c giám sát: Xem xét vi c áp d ng EVM nh m t công c giám sát th ng xuyên. S d ng EVM theo dõi và ki m tra nh ng c i thi n đ a vào nh ng k t qu thu nh n c.

E1: Nh n v c xin – Các kho tuy n qu c gia và khu v c

- T ng c ng theo dõi và báo cáo v các v c xin nh n t trong n c hay n c ngoài b ng cách hoàn thi n các báo cáo cho t ng l n nh n v c xin.

E2: Theo dõi nhi t

- Trang b thi t b ghi nhi t liên t c cho các bu ng l nh, t l nh, t á, c bi t i v i các bu ng l nh.
- Trang b ch th ông b ng cho các tuy n s d ng trong b o qu n và v n chuy n.
- ánh giá quá trình thay i nhi t (b ng theo dõi nhi t) c a các thi t b làm l nh m t tháng m t l n và x trí c a cán b khi các thi t b g p s c nh m theo dõi ho t ng c a các thi t b c ng nh ánh giá kh n ng ng phó v i các tr ng h p kh n c p c a các cán b . Sau khi ánh giá c n l u gi b n báo cáo ánh giá này 3 n m.
- T t c các bu ng l nh âm và d ng nên có b n nhi t m b o r ng v c xin c b o qu n i u ki n nhi t thích h p. Vi c xây d ng b n nhi t c n ph i c t i n hành l i khi thay th thi t b l nh ho c thay i v trí các giá v c xin.

E3: Kh n ng b o qu n

- Th ng nh t và a ra quy nh v vi c áp d ng b o qu n v c xin OPV nhi t t - 15°C n -25°C i v i tuy n t nh (quy t nh 23/BYT là n tuy n huy n).
- m b o các k ho ch ng phó v i tr ng h p b t th ng phát huy hi u qu , hàng n m c n có các đi n t p i v i k ho ch này.
- c tính kh n ng b o qu n c a các kho khô. Duy trì và c p nh t v kh n ng b o qu n nh m t ph n c a quá trình ki m kê dây chuy n l nh.

E4: Nhà kho, thi t b và v n chuy n

- Nhà kho c a kho qu c gia và kho mi n B c hi n t i không có khu v c óng gói v c xin. Các gi i pháp ng n h n i v i v n khu v c óng gói có th là làm mái che c nh phía ngoài kho ho c d ng l u b t t m th i t i th i i m giao hàng và thu l i sau khi nh n ho c xu t v c xin.
- C n có k ho ch dài h n trong vi c thuê kho khô b o qu n v t t tiêm ch ng.
- Phòng làm vi c c a cán b kho t i các tuy n qu c gia/khu v c và m t vài kho tuy n d i cách xa kho l nh và không g n khu v c óng gói. Tình tr ng này c n c thay i tùy hoàn c nh và k ho ch t ng n v .
- C n nh c a vào s d ng các thi t b theo dõi nhi t liên t c cho t t c các t l nh ch a v c xin tuy n t nh và huy n. Cung c p thi t b ghi chép nhi t liên t c cho các xe l nh hi n có. Thông tin t thi t b ghi chép nhi t liên t c sau m i chuy n v n chuy n v c xin c n c t i v máy tính và in ra l u gi (t i thi u trong vòng 3 n m). T i nh ng n i c n s d ng máy phát i n, các máy phát i n này nên là lo i t ng kh i ng khi m t i n.

E5: B o d ng

- m b o kho các tuy n có y và m b o ch t l ng k ho ch b o d ng d phòng i v i nhà kho, thi t b , ph ng ti n v n chuy n.
- Có k ho ch s a ch a nhanh chóng các thi t b dây chuy n l nh t i t t c các tuy n.

E6: Qu n lý kho

- Quy nh và giám sát vi c theo dõi, qu n lý dung môi trong s sách nh v c xin i v i t t c các tuy n.
- Quy nh và giám sát vi c ki m tra, ghi chép tình tr ng VVM (i v i các v c xin có VVM) khi nh n và xu t v c xin.
- Quy nh và ph bi n m u phi u giao nh n v c xin i v i t t c các tuy n bao g m các yêu c u c n ki m tra, ghi chép v v c xin và dung môi, tình tr ng nhi t /ch th nhi t , th i gian khi giao nh n.
- T i n hành ki m kê và làm báo cáo ki m kê 4 l n/n m i v i tuy n qu c gia/khu v c và sau m i l n nh n/xu t v c xin i v i các kho tuy n d i.
- Thi t l p m c d tr t i a và m c d tr an toàn cho m i lo i v c xin t ng kho v c xin. Th c hi n các th t c v qu n lý mua s m và phân ph i v c xin m b o các m c b o qu n luôn luôn n m trong gi i h n cho phép.
- m b o t t c các cán b kho v c xin c t p hu n v th c hành qu n lý kho t t.
- Ph bi n r ng rãi các quy trình th c hành chu n (SOP) t i t t c các tuy n các cán b n m c và th c hi n c theo các h ng d n c th và rõ ràng.

- Ghi chép và quản lý riêng i v i v c xin b h ng và h t h n s d ng.

E7: Phân phi

- Các tuyen c n xây d ng k ho ch s d ng v c xin, v t t chi ti t và k ho ch c p phát cho tuyen d i, v i m c tiêu có th c i thi n vi c cung c p v c xin và c s d ng làm c s theo dõi phân phi v c xin trên th c t .
- Xây d ng k ho ch ng phó v i các tr ng h p kh n c p khi v n chuy n v c xin và t p hu n cho lái xe ngay c khi luôn có cán b tiêm ch ng i cùng.
- m b o các bình tích l nh c làm tan b ng úng cách t i t t c các kho phân phi v c xin b ng hòm l nh.
- m b o vi c s p x p v c xin trong các xe l nh úng cách gi m thi u nguy c v , h ng v c xin trong quá trình v n chuy n. Yêu c u có SOP i v i xe l nh.

E8: Quản lý v c xin

- T ng c ng t p hu n, t p hu n l i và tri n khai các ho t ng giám sát m b o r ng t t c các cán b kho c ào t o c b n v quản lý v c xin, bao g m cách c ch th nhi t l v c xin (VVM), cách th c hi n nghi m pháp l c, tính nh y c m c a t ng v c xin ..v.v Xây d ng các quy nh c ng nh bi u m u tính toán và ghi chép t l hao phí v c xin c a n v .

E9: H th ng thông tin quản lý và các ch c n ng h tr

- C i thi n xây d ng k ho ch t i tuyen qu c gia m b o các n v trùng th u cung c p v c xin và úng th i gian phòng tránh r i ro kép ho c thi u ho c th a v c xin.
- Song song v i vi c s d ng các SOP, xây d ng và tri n khai các tài li u ào t o phù h p bao g m các nguyên t c chính c a quản lý dây chuy n cung ng. S d ng SOP là c s ào t o các cán b liên quan nh m chu n hóa các th c hành trong dây chuy n cung ng.
- m b o r ng vi c ki m kê dây chuy n l nh t i thi u hàng n m c th c hi n và th ng xuyên c p nh t.
- Xây d ng k ho ch ho t ng và ngân sách bao g m: b sung/ thay th thi t b dây chuy n l nh, ph ng ti n v n chuy n, quản lý ch t th i y t , b o d ng, nhân l c, ào t o t p hu n,...vv. Chu n b các ho t ng và ngân sách chi ti t.

6.2 Kho qu c gia

Ngoài các khuy n ngh chung trong ph n 6.1, nh ng khuy n ngh c th i v i kho qu c gia c li t kê trong nh ng m c d i đây:

Khuyến nghị chung

- Xem xét sự đồng ý của người mua trước các buổi lễ tại kho của gia.

E1: Nhiệt độ ẩm

- Bảo trì ẩm phù hợp cho việc vận chuyển m b o nhiệt (<30°C), tránh m a/n ngưng tụ p...

E2: Theo dõi nhiệt

- Bổ sung việc theo dõi nhiệt độ ánh sáng bằng thiết bị theo dõi nhiệt độ 1 tháng/lần theo dõi hoạt động của các buổi lễ có nhiệt độ hay không và khi cần ngưng phục vụ các trường hợp khẩn cấp xảy ra các cán bộ nhận biết. Sau khi ánh sáng ổn định báo cáo ánh sáng.

E3: Kiểm soát độ ẩm

- Cần có phông ẩm m b o luôn có giá kê vận chuyển phòng trong trường hợp ngưng tụ nước ở vận chuyển trong các chuyến đi.

E4: Nhà kho, thiết bị và vận chuyển

- Cần có kế hoạch dài hạn trong việc thuê kho khô m b o vận chuyển thiết bị và tài sản hành khách vận chuyển ít nhất 2 lần/năm.
- Duy trì các phương tiện vận chuyển tình trạng tốt, sẵn sàng hoạt động.
- Công có phông ẩm thay thế thiết bị.

E6: Quản lý kho

- Tránh hút vận chuyển, m b o hợp mua hàng vận chuyển có thể vận chuyển theo kế hoạch đáp ứng nhu cầu.

E7: Phân phối

- Hàng vận chuyển nhận và phân phối vận chuyển theo kế hoạch và kế hoạch.

E8: Quản lý vận chuyển

- Tổng công ty vận chuyển và vận chuyển cho các khách vận chuyển quản lý vận chuyển.

E9: Hoạt động quản lý thông tin và các chức năng hỗ trợ

- Cần phải hỗ trợ các vận chuyển công ty cung cấp dịch vụ m b o vận chuyển khai thác giám sát và nên có đội ngũ nhân viên vận chuyển, có trách nhiệm tài chính trong trường hợp cung cấp dịch vụ kém chất lượng.

6.3 Các khu vực

Ngoài các khuyến nghị chung trong phần 6.1, những khuyến nghị cụ thể tùy thuộc vào các loại khách hàng là:

E1: Nhiệm vụ công nhân

- Thực hiện giám sát và báo cáo nhân viên công nhân mới khi nhân viên công nhân.

E2: Theo dõi nhật ký:

- Bổ sung và lập thí nghiệm ghi nhật liên tục tất cả các buổi làm việc.
- Xây dựng bản nhật ký về các khối lượng công việc có bản nhật ký.
- Tiến hành đánh giá sản phẩm thiên nhiên trong bảng theo dõi nhật ký tất cả các khối lượng 1 tháng/lần nhằm mục đích các thí nghiệm khác nhau và đánh giá vị trí khi có sự xảy ra các vấn đề.

E3: Khảo sát công nhân

- Mục đích duy trì khảo sát công nhân áp dụng về yêu cầu của.

E4: Nhà kho, thí nghiệm và vận chuyển

- Kho miền Bắc có kho chứa dài hạn trong việc thuê kho không có vận chuyển thêm chi phí và tiến hành kiểm kê vận chuyển ít nhất 2 lần/năm.
- Bố trí nhân viên phù hợp cho việc đóng gói, giao, nhân viên công nhân.
- Có kho chứa thí nghiệm phòng các thí nghiệm kho chứa.
- Trang bị các thí nghiệm ghi nhật liên tục và chế độ công việc cho các buổi làm việc, phân công vận chuyển.

E5: Bảo dưỡng

- Duy trì việc thực hiện bảo dưỡng mục đích nhà kho, buổi làm việc và các xe làm việc để kiểm tra, sửa chữa kịp thời.

E6: Quản lý kho

- Duy trì và hoàn thiện việc ghi chép sổ sách, quản lý về các thông tin về công nhân dụng môi.
- Quản lý mục đích xuất nhập công nhân theo tình hình VVM và hàng tồn kho.
- Kiểm kê kho, so sánh giá trị thực tế và sổ ghi chép nhằm mục đích hàng ghi chép chính xác và các công nhân có hàng tồn kho hàng ngày hay VVM giai đoạn 2 của sản phẩm.

E7: Phân phối

- Xây dựng kế hoạch phân phối khi vận chuyển nhân viên công nhân, cần thiết cho từng tuyến vận chuyển giúp lái xe và cán bộ TCMR biết cần phải làm gì trong trường hợp hỏng xe, hỏng máy hoặc các vấn đề khác...vv

6.4 Các kho tuyến t nh

Ngoài các khuyến nghị chung trong phần 6.1, những khuyến nghị cụ thể tuyến t nh có liệt kê như dưới đây:

E2: Theo dõi nhiệt

- Xem xét, trang bị thiết bị theo dõi nhiệt liên tục cho các tải nh, tải á.
- Xem xét, trang bị yêu cầu thiết bị ngưng ngưng trong buồng n v c xin.

E4: Nhà kho, thiết bị, vận chuyển

- Cần thiết khu vực đóng gói.
- Xem xét sơ đồ thiết bị theo dõi nhiệt liên tục cho tải nh buồng n v c xin nếu có thể.
- Xem xét sơ đồ máy phát điện kết nối.
- Đảm bảo rằng tất cả các xe vận chuyển v c xin, vật tư tuyến t nh có nhãn ký xe và các ghi chép về bảo dưỡng xe luôn có sẵn.

E6: Quản lý kho

- Đảm bảo ghi chép các thông tin về dung môi trong sơ đồ quản lý nh v i v c xin.
- Xây dựng phiếu giao nhận thành nhật m kiểm soát không chỉ số lượng v c xin khi giao nhận mà theo dõi các thông tin khác như số lô, hạn dùng, nhiệt độ và tình trạng v c xin khi giao/nhận.
- Tiến hành kiểm kê và làm báo cáo sau mỗi lần nh/xuất v c xin.

E7: Phân phối

- Xây dựng và sơ đồ bố trí m u thành nhật về cách ghi chép quản lý phân phối v c xin và vật tư tiêm chủng: ghi lô lot, hạn dùng, tình trạng nhiệt độ, VVM....
- Xây dựng kế hoạch phân phối các thùng hàng p kh n c p trong vận chuyển và tiếp nhận cho lái xe ngay cả khi luôn có chuyên trách tiêm chủng đi cùng khi vận chuyển.

6.5 Các kho tuyến huy n

Ngoài các khuyến nghị chung trong phần 6.1, những khuyến nghị cụ thể tuyến huy n có liệt kê như dưới đây:

E4: Nhà kho, thiết bị, vận chuyển

- Xem xét sơ đồ thiết bị theo dõi nhiệt liên tục cho tải nh buồng n v c xin nếu có thể.
- Nên có máy phát điện dự phòng cho các kho có điện không nh

- Xem xét bổ sung nhân áp cho những trường hợp còn thiếu.

E5: Bảng

- Tổng công việc xây dựng kế hoạch bảng điều hành cho nhà kho, thiết bị và phụ tùng từ nhân viên chuyên các kho tùy nhân viên.
- Cần có quy trình và thời gian làm báo cáo thiết bị chuyên lĩnh vực hàng hóa của các nhà máy.

E6: Quy trình kho

- Giám sát việc ghi chép sổ sách, các biểu thị và nội dung môi.
- Làm báo cáo các cán bộ kho và xin tùy nhân viên các báo cáo về thực hành quản lý kho (SOP), bao gồm các nguyên tắc của nhân viên hành kho.
- Làm báo cáo phiếu giao/nhận và xin các thông tin về lô lot, hạn dùng và tình trạng nhiệt độ / chất lượng VVM khi giao nhận, các phiếu này cần có ký hiệu bên giao và bên nhận.
- Tiến hành lập biên bản khi kiểm kê và xin.

E8: Quy trình vận chuyển

- Tổng công tác phụ nữ, phụ nữ lái và triển khai các hoạt động giám sát làm báo cáo các cán bộ kho, cán bộ chuyên trách có thể hiểu và thể hiện các nghi m pháp lý và các VVM.
- Có quy trình nhân viên ghi chép, tính hao phí vận chuyển.

6.6 Các trọng tâm xã

Ngoài các khuyến nghị chung trong phần 6.1, những khuyến nghị cụ thể tùy nhân viên các lĩnh vực như dưới đây.

E4: Nhà kho, thiết bị, vận chuyển

- Nhân viên vận chuyển thể hiện đúng quy trình thực hành chuẩn trong báo cáo vận chuyển trong trường hợp.

E6: Quy trình kho

- Ghi chép đầy đủ các thông tin về vận chuyển, dung môi, vận chuyển tiêm chủng vào sổ.
- Lưu các phiếu giao nhận và vận chuyển, làm báo cáo ký bên giao, bên nhận.

E8: Quy trình vận chuyển

- Làm báo cáo các cán bộ vận chuyển thể hiện các quan trọng của việc ghi chép và báo cáo chính xác các số liệu và tình trạng tiêm chủng và số số vận chuyển.

- đánh giá tình trạng và hiệu quả của các loại rác thải hiện có và triển khai thực hiện các chính sách phù hợp nhằm bảo vệ môi trường và tiêu hủy an toàn bằng kim loại nặng và thủy tinh.
- Tổng hợp tài liệu và tài liệu cho các cán bộ quản lý thực hiện.

7. K HO CH C I THI NH TH NG

7.1 Nh ng khuy n ngh chung

- L ng ghép ánh giá EVM vào ánh giá t ng k t TCMR và các ho t ng giám sát h tr .

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia
Ngày b t u: 2012
Ngày hoàn thành: Tì p t c trong nh ng n m ti p theo

7.2 Kho qu c gia/khu v c

E1: Nh n v c xin

- Ph i báo cáo t t c các l n giao nh n v c xin.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia và khu v c
Ngày b t u: Tháng 6/2012
Ngày hoàn thành: Tì p t c i v i các l n giao nh n v c xin

E2: Theo dõi nhi t

- C p và s d ng các thi t b theo dõi nhi t liên t c v i s h tr t PATH, các thi t b này s c s d ng c trong b o qu n và v n chuy n v c xin.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia/PATH (optimize)
Ngày b t u: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

- Th c hi n ánh giá hàng tháng vi c ghi chép theo dõi nhi t xác nh xu h ng dài h n t i kho khu v c và qu c gia. L u gi các b n ánh giá này.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia và TCMR khu v c
Ngày b t u: Tháng 8/2012
Ngày hoàn thành: Tì n hành hàng tháng

E4: Nhà kho, thi t b và v n chuy n

- S a ch a nhà kho b o qu n v c xin tuy n qu c gia m b o i u ki n c c p ch ng ch Th c hành t t b o qu n thu c, v c xin theo quy nh c a B Y t .

Ng i ch u trách nhi m: Vi n VSĐT Trung ng
Ngày b t u: 4/2012
Ngày hoàn thành: 7/2012

- S a ch a kho b o qu n v c xin c a các khu v c s m b o i u ki n c c p ch ng ch Th c hành t t b o qu n thu c, v c xin theo quy nh c a B Y t .

Ng i ch u trách nhi m: TCMR các khu v c
Ngày b t u: Tháng 8/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 7/2013

- Xây d ng h ng d n cho t t c các kho khu v c s d ng thi t b theo dõi nhi t liên t c khi v n chuy n v c xin cho tuy n t nh.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia
Ngày bắt đầu: Tháng 10/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

E5: B o d ãng

- Hoàn thiện và triển khai hoạt động của nhóm kỹ thuật của quốc gia và các khu vực hỗ trợ các hoạt động nghiên cứu.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia, khu vực
Ngày bắt đầu: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tiếp tục theo yêu cầu bổ sung, sắp xếp các khu vực

E6: Quản lý kho

- Đào tạo lại cho thủ kho về ghi chép sổ kho và thủ kho, công nghệ ghi chép và trình bày các vé xin, dung môi, tình trạng VVM và vị trí các vé xin trong kho.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia, khu vực
Ngày bắt đầu: Tháng 6/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 10/2012

E7: Phân phối

- Phát triển SOP và các kế hoạch trong trình bày bản thảo kỹ thuật và phân phối vé xin trong nước.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia
Ngày bắt đầu: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 10/2012

E8: Quản lý vé xin

- Đào tạo lại cho thủ kho về thủ tục hiện “nghiệm pháp lại” và cách thức thí nghiệm vé xin VVM.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia, khu vực
Ngày bắt đầu: Tháng 8/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

E9: Hệ thống quản lý thông tin và các chức năng hỗ trợ

- Chuyển các SOP cần thiết phát triển và áp dụng cho tất cả các kho.

Người chịu trách nhiệm: TCMR quốc gia
Ngày bắt đầu: Tháng 8/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

7.3 Kho t ãnh

E4: Nhà kho, thí nghiệm và vận chuyển

- Sửa đổi thí nghiệm theo dõi nhiệt liên tục cho tất cả các bộ phận vận chuyển vé xin và thí nghiệm ô nhiễm trong vận chuyển vé xin.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia/PATH/VIE/025
Ngày b t u: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

E6: Qu n lý kho

- ào t o l i cho th kho v ghi chép s kho và th kho, c ng nh ghi chép v d ng trình bày c a v c xin, dung môi, tình tr ng VVM và v trí c a v c xin trong kho.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia/khu v c
Ngày b t u: Tháng 10/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 3/2013

E7: Phân ph i

- Phát tri n SOP và các k ho ch trong tr ng h p b t th ng i v i phân ph i v c xin trong n c.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia
Ngày b t u: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 10/2012

7.4 Kho huy n

E4: Nhà kho, thi t b và v n chuy n

- S d ng ch th ông b ng i n t trong t b o qu n v c xin.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia/VIE/025
Ngày b t u: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Tháng 12/2012

E5: B o d ng

- Th c hi n k ho ch nhanh chóng s a ch a các thi t b dây chuy n l nh b h ng.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR qu c gia và khu v c.
Ngày b t u: Tháng 7/2012
Ngày hoàn thành: Không có th i h n

E6: Qu n lý kho

- ào t o l i cho th kho v ghi chép s kho và th kho, c ng nh ghi chép v d ng trình bày c a v c xin, dung môi, tình tr ng VVM và v trí c a v c xin trong kho.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR khu v c/t nh
Ngày b t u: Tháng 2/2013
Ngày hoàn thành: Tháng 8/2013

E8: Qu n lý v c xin

- ào t o/ ào t o l i cho th kho/cán b TCMR v “nghi m pháp l c” và cách c VVM.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR khu v c/t nh
Ngày b t u: Tháng 2/2013
Ngày hoàn thành: Tháng 8/2013

7.5 Tr m y t xã

E4: Nhà kho, thi t b và v n chuy n

- H ng d n s d ng úng quy trình th c hành chu n ã ban hành

Ng i ch u trách nhi m: TCMR t nh/huy n

Ngày b t u: Tháng 3/2013

Ngày hoàn thành: Tháng 8/2013

E6: Qu n lý kho

- H ng d n ghi chép và báo cáo tiêm ch ng bao g m các thông tin v v c xin, dung môi,....

Ng i ch u trách nhi m: TCMR t nh/huy n

Ngày b t u: Tháng 3/2013

Ngày hoàn thành: Tháng 8/2013

E8: Qu n lý v c xin

- ào t o l i cho cán b y t v ghi chép s li u tiêm ch ng.

Ng i ch u trách nhi m: TCMR t nh/huy n

Ngày b t u: Tháng 3/2013

Ngày hoàn thành: Tháng 8/2013

DANH SÁCH ĐI U TRẢ VIÊN VÀ A I M ÁNH GIÁ

	a i m	Cán b qu c gia	Cán b khu v c	Th i gian
t 1 (21-26/3/2012)				
1.	Ninh Bình	Nguy n c Trung	Ki u Oanh	21-24/3
2.	H i Phòng	V Ti n D ng	Ph m Quang Thái	21-24/3
3.	H ng Yên			26-28/3
4.	Phú Th	H Thanh Tùng	Nguy n Thu Y n	23-25/3
5.	L ng S n	Nguy n Th Loan	Tr n Th Lan Anh	21-24/3
6.	S n La	Th Tam Giang	Nguy n Th Thu H ng	21-25/3
7.	c Nông	Nguy n Mai Khanh	Ngô Tú Th y	21-23/3
8.	Kho Tây Nguyên	Nguy n Liên H ng	Ngô Tú Th y Phan Th L Quyền	23-25/3
t 2 (03-26/4/2012)				
9.	Kho Mi n Nam	Nguy n M nh Hùng Nguy n Mai Khanh	H V nh Th ng	03-04/4
10.	Bà R a V ng Tàu	Nguy n Mai Khanh	H V nh Th ng	05-07/4
11.	B n Tre	Th Tam Giang	Nguy n Minh Ph ng	03-06/4
12.	C n Th	Nguy n c Trung	Nguy n Ph ng Lan	03-06/4
13.	Qu ng Tr	H Thanh Tùng	M nh Hùng	03-06/4
14.	Kho mi n Trung	Nguy n V n C ng V Ti n D ng	Hoàng H i H ng	03-04/4
15.	Qu ng Nam	Nguy n Thành Trung	Hoàng H i H ng	05-07/4
16.	Kho mi n B c	Nguy n M nh Hùng Nguy n Mai Khanh	Nguy n Thu Y n	23-24/4
17.	Kho Qu c gia	Nguy n M nh Hùng Nguy n Th Loan V Minh H ng, PATH		12-13/4